2 PHÂN TÍCH ĐẠO (Paṭisambhidāmagga) - B. Phẩm Kết Hợp Chung (Yuganaddhavagga)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

B. PHẨM KẾT HỢP CHUNG (YUGANADDHAVAGGA)

L GIẢNG VỀ Sự KẾT HỢP CHUNG (YUGANADDHAKATHĀ)

Tôi đã được nghe như vây: Một thời, Đại đức Ānanda ngụ tại Kosambī, tu viện Ghosita. Chính ở tại nơi ấy, Đại đức Ānanda đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại đức Tỳ-khưu. Thưa Đại dức. Các vi Tỳ-khưu ấy đã đáp lại Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã nói điều này: Này các Đại dức, bất cứ vị Tỳ-khiru hoặc Tỳ-khim-ni nào tuyên bố về phẩm vi A-la-hán ở sự hiện diện của tôi. tất cả đều do bốn đạo lộ hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này. Do bốn [đạo lộ] gì? Này các Đại đức, ở dây, vị Tỳ-khưu tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước. Trong khi vị ấy tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vi ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Này các Đại dức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khxru tu tập chỉ tinh có minh sát đi trước. Trong khi vi ấy tu tập chỉ tinh có minh sát đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vi ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vi ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khiru tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung, đạo lộ được hình thành [cho vi ấy]. Vị ây rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là [trường hợp] tâm của vi Tỳ-khmi bị khuây động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Này các Đại đức, lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhát, được định ở chính nội phần, lúc ấy

là thời điểm đạo lộ được hình thành cho vị ấy. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập5 làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Này các Đại dức, bát cứ vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni nào tuyên bô vê phàm vi A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ này hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này. Tu tập minh sát có chỉ tinh đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là đinh. về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước?9 Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa

nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đen giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lo được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ là đạo lộ được hình thành, chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là đạo lộ được hình thành, chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch là đạo lộ được hình thành, chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức là đạo lộ được hình thành, chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập là đạo lộ được hình thành, chánh định theo ý nghĩa không tản mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy." Rèn luyện: Rèn luyện là [có ỷ nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết vi ây rèn luyện, trong khi nhận thây vị ây rèn luyện, trong khi quán xét lại vị ấy rèn luyện, trong khi khẳng định tâm vị ấy rèn luyện, trong khi hướng đến đức tin vị ấy rèn luyện, trong khi ra sức tinh tấn vi ấy rèn luyện, trong khi thiết lập niệm vị ấy rèn luyện, trong khi tập trung tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy rèn luyện, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vi ấy rèn luyện, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vi ấy rèn luyện, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vi ấy rèn luyện, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biêt vị ấy tu tập, trong khi nhận thay vị ấy tu tập, trong khi quán xét lại vị ấy tu tập, trong khi khẳng định tâm vị ấy tu tập, trong khi hướng đến đức tin vị ây tu tập, trong khi ra sức tinh tấn vị ẩy tu tập, trong khi thiết lập niệm vi ấy tu tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết bởi tuệ vi ấy tu tập, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy tu tập, trong khi biết toàn

diện điều cần được biết toàn diện vị ấy tu tập, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy tu tập9 trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy tu tập, trong khi tác chứng điêu cân được tác chứng vi ây tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thê. Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận thấy vi ấy làm cho sung mãn, trong khi quán xét lại vi ấy làm cho sung mãn, trong khi khẳng định tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi hướng đến đức tin vị ấy làm cho sung mãn, trong khi ra sức tinh tấn vi ấy làm cho sung mãn, trong khi thiết lập niệm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tập trung tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy làm cho sung mãn, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ây làm cho sung mãn, trong khi tác chứng điêu cân được tác chứng vi ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như the. Trong khi vi ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vi ấy]. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được châm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự

cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngiỉ ngầm này được chấm dứt là kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngam. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngủ ngầm này được chấm dứt là ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm. Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngàm được chấm dứt là [có y ngMa] như thế. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là đinh... (nt)... Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, có sự quán xét ve từ bỏ do tác động của hơi thở ra5 trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Ve các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như the là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trư&c." Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị

đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành,...(nt).. chánh định theo ý nghĩa không tản mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [co ý nghĩa] như thế. ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy.” Rèn luyện: Rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vi ấy rèn luyện, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện la [có ý nghía] như thế. Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vi ấy tu tập... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vi ấy tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thế. Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như thế. Trong khi vi ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vi ấy]: Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngủ ngầm • r \ A r

này được châm dứt là ái dục ngủ ngâm và bát bình ngủ ngâm có tính chát thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bát bình có tính chát vi tê; hai ngủ ngâm này được châm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngủ ngầm này được chấm dứt là ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là [có ý nghĩa] như thê. Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Với ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đoi tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập chỉ tinh có minh sát di tru&c."

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 1007

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành la [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước.99 Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Với ý nghĩa của sự quán xét thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường là minh sát... (nt)... lão tử là khổ não... (nt)... lão tử là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đoi tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, Ưạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập chỉ tinh có minh sát đi trước. Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là [có ý nghĩa] thế nào? Tu táp chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo mười sáu biểu hiện: Theo ý nghĩa đoi tượng, theo ý nghĩa hành xứ, theo ý nghĩa dứt bỏ, theo ý nghĩa buông bỏ, theo ý nghĩa thoát ra, theo ý nghĩa ly khai, theo ý nghĩa an tịnh, theo ý nghĩa cao quý, theo ý nghĩa được giải thoát, theo ý nghĩa vô lậu, theo ý nghĩa vượt qua, theo ý nghĩa vô tướng, theo ý nghĩa vô nguyện, theo ý nghĩa không tánh, theo ý nghĩa nhất vị, theo ý nghĩa không vượt trội, theo ý nghĩa kết hợp chung. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa đối tượng là [có ý nghĩa] the nào? Đối với vi đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, có sự

diệt tận là đối tượng. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quan xét có sự diệt tận là đối tượng. Như thế, chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa đối tượng là có nhất vi, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng].” Tu tập: Có bốn sự tu tập:... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ,

các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng] là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xứ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tan loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa hành xứ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành Tu tập: ... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và [đang dứt bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là đinh có sự điệt tận là hành xứ. Đôi với vị đang dứt bỏ các phiên não đi cùng với vô minh và [đang dứt bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa dứt bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rang: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt b6." ... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát két hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ là [có ý nghĩa] thê nào? Đôi với vị đang buông bỏ các phiên não đi cùng với phóng dật và [buông bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vi đang buông bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và [buông bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa buông bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ?9... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra là [có ý nghĩa] thê nào? Đôi với vị đang thoát ra khỏi các phiên não đi cùng với phóng dật và [thoát ra khỏi] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với vô minh và [thoát ra khỏi] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa thoát ra là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra/5... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với phóng dật và [ly khai] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với vô minh và [ly khai] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát

theo ý nghĩa ly khai là có nhát vị, được két hợp chung, không

vượt ụội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai.” ... (ĩ!t)... Tu tập chỉ tinh và minh sát két hợp chung theo ý nghĩa an tịnh là [có ý nghĩa] thê nào? Đôi với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhát không tán loạn của tâm là định, là an tịnh, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là an tịnh có sự diệt tận là hành xứ. Như thê, chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa an tinh là có nhát vi, được két hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịĩlh.,,... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là cao quý, có sự diệt tận là hành xứ. Đoi với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là cao quý có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa cao quý là có nhất vi, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quy." ... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát là [có ý nghĩa] the nào? Đoi với vi đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là được giải thoát khỏi dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là được giải thoát khỏi các vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, sự ly tham ái khỏi các tham ái là sự giải thoát của tâm, sự ly tham ái khỏi vô minh là sự giải thoát của tuệ. Như thê, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa được giải thoát là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát.M ... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu là [có ý nghĩa] thể nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô lậu đối với dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vi đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô lậu đối với vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô lậu là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu/5... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua là [có ý nghĩa] thê nào? Đôi với vi đang vượt qua các phiên não đi cùng với phóng dật và [vượt qua] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là đinh có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với vô minh và [vượt qua] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thê, chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa vượt qua là có nhát vị, được

két hợp chung, không vượt trội lân nhau. Vì thê, được nói răng: "Tu tập chỉ tinh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua." ... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô tướng đối với tất cả

các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô tướng đối với tất cả các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô tướng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng.^,... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa vô nguyện là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lân nhau. Vì thê, được nói răng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát két hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện.,,,... (nt)... Tu tập chỉ tịnh và minh sát két hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] the nào? Đối với vi đang dứt bỏ phónẹ dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là không đối với tát cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là không đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa không tánh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh." ... (nt)... Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát két hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] như thế. .v 9

Tu tập chỉ tinh và minh sát két hợp chung theo mười sáu biêu hiện là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tinh và minh sát két hợp chung là [có ý nghĩa] như thê. Tâm của vị Tỳ-ldiưu bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vi đang tác ý vô thường, có ánh sáng sanh lên. [Hành

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 1011

giả] hướng tâm đến ánh sáng rằng: “Anh sáng là pháp”; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phónệ dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biêt đúng theo thực thể ve sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng ứieo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: "Tâm bi khuấy động bởi sự phóng dật đổi với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần^ Đạo lộ được hình thành cho vi ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào?.(ntj... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế...(nt).. Các sự ràng buộc
được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Đối với vị đang tác ý vô thường, có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự

cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: “Ao ước là pháp"; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phónệ dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuây động, không nhận biết đúnệ theo thực the về sự thiết lập là vô thuơng không nhận biết đunệ theo thực the về sự thiết lập là khổ não^ không nhận biết đúng theo thực thể ve sự thiết lập là vô ngã. Vì thế5 được nói rang: "Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đoi với các pháp. Lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được đinh ở chỉnh nội phân, lúc ẩy là thời điểmy Đạo lộ được hình thành cho vi ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thể. Đôi với vi đang tác ý khô não... (nt)... Đôi với vị đang tác ý vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: "Ao ước là ph”sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy? [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúnẹ theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã, về sự thiết lập)là vô thường, về sự thiet lập là khổ não. Vì thế, được nói rang: "Tâm bi khuấy động bởi sự phóng dật đoi với các pháp... (nt).. Các sự ràng buộc được dứt b6, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Đôi với vị dang tác ý sác là vô thường... (nt)... Đôi với vị đang tác ý săc là khô não... (nt)... Đôi với vị đang tác ý sắc là vô ngã... (nt)... Đối với vị đang tác ý thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường... (nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là kho não... (nt)... Đoi với vi đang tác ý lão tử là vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: "Ao ước là pháp59; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng

dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, khôĩiệ nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô ngã, không nhậii biêt đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: “Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đổi với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ẩy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được đinh ngay ở nội phần." Đạo lộ được hình thành cho vi ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào?.(ntj.. Đạo lộ được hình thành là [có ỵ nghĩa] như thế.... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] như thế. (1) Rung động về ánh sáng, về tuệ và về hỷ, về tịnh và về lạc, Bởi chúng tâm xao động, A r

(2) Rung động ve cương quyêt, Ra sức và thiết lập, Do hướng tâm đen xả, Và ao ước về xả. A

(3) Vị nào huân tập tuệ Vê mười trường hợp này, Biết phóng dật do pháp, Không sa vào lầm lẫn. (4) Bi tản mạn, ô nhiễm, Tu tập tâm đình chỉ; Tản mạn, không ô nhiễm, Tu tập

bi thối thất. (5) Tản mạn, không ô nhiễm, Tu tập không thối thất, Không tản, tâm vô nhiễm Tu tâm không đình chỉ. (6) Với bốn trường hợp này, Hiên rõ mười trường hợp Thâu hẹp và khuấy động Vì tản mạn của tâm. Phần giảng về Sự kết hợp chung" được đầy đủ.

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 1013

n. GIẢNG VÈ CHÂNLÝ (SACCAKATHĀ)

Đầy đủ phần duyên khởi: Này các Tỳ-khun, đây là bốn thực thể, là không nậoài thực thể, không phải là dị thể. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, "dây là khổ9\ điều này là thực thể, điêu này là không ngoài thực thể, điều này không phải là di thể; "đây là nhân sanh khổ,\ điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; uđây là sự diệt tận kh8", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là di thể; "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn thực thể, là idiông ngoài thực thể, ủiông phai là dị thể. Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, khôiiậ phải là dị thể: Y nghĩa áp bức, ý nghía tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ; bon ý nghĩa nay ve khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế. Nhan sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ỵ nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ]; bốn ý nghĩa này về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Nhân sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế. Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghía bất tử của sự diệt tận [khổ]; bốn ỷ nghĩa này về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực the, không phải là dị thể. Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế. Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về đạo của đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị the: Y nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo; bốn ý nghĩa này về đạo của đạo là thực thể, là khônệ ngoài thực thể, không J>hải là dị thể. Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực the là [có ý nghĩa] như the.

1014 KINH TIỂU BÔ

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bốn biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt; bốn chân lý được tổng họp chung lại là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thau triệt. Bốn

chan lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghía thực thể là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực the, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghía về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo y nghía thực thể là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổnệ họp chung lại, điêu áy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như the bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chan lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa ve diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về vô ngã; bốn chan lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa vo ngã là vơi bốn biểu hiện này. Điều nào được tổnệ hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như the bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chan lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lẹ là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa ve nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa diệt tận của sự diệt tậii [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về chân lý; bốn chân lý được tổn^ hợp chung lại theo ẹ nghía chân lý là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều áy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bon chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chan lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt la [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo y nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khô] y nghĩa về la ý)]là ve thấu t triệt,_ý nghĩa diệt :: tận của sự diệt ấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt; tận [khổ] là ý nghĩa về thấu bốn chân lý được tổíiệ hợp chung lại theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện được t6ng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu í, như the bốn chân lý là có chung triệt bởi một trí, ’ một. sự• thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Điều gì là vô thường, điều ấy là khổ não; điều gì là khổ não, di ấy là vô thường. Điều gì là vô thường và khổ não, điều ấy là vô ngã. Điều gì là vô thường, khổ não và

PHÂN TÍCH ĐẠO 1015

VÔ n^ã9 điều ấy là thực thể. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã và thực thể, điều ấy là chân lẹ. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã, thực thể và chân lý, điều ấy là được tổng hợp chung lại. Điều gì được tổn^ hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thau triệt là với chín biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa từ bỏ, theo ý nghĩa tu tập, theo ý nghĩa tác chứng; bốn chân lý có chung một sự thấu ứiệt là với chín biêu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất

thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bon chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chan lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí la y nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý n^hĩa về thực thể, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chunệ một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt la với chín biểu hiện: Ý nghĩa về kho của khổ là ý nghĩa về thấu ưiệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] la y nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết rõ của thắnẹ trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nẹhĩa ve thấu triệt, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa vê tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân l có chung một sự thấu triệt theo y nghía thấu triệt là với chín biểu hiện này.
Điều gì được tổng hợp chung lại, điều áy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bon chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa hiện tượng, theo ý nghĩa sự

kiện, theo ý nghĩa điều đã được biết, theo ý nghĩa tác chứng, theo ý nghĩa chạm đến, theo ý nghĩa lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghía ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khô] là ý nghĩa ve thực the; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý ng hĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghía thực thể là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điêu ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt. Bốn chân lý có chung một sự

thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt... theo ý nghĩa biết rõ... theo ý nghĩa biết toàn diện... theo ý nghĩa hiện tượng... theo ý nghĩa sự kiện... theo ý nghĩa điều đã được biết... theo ý nghĩa tác chứng... theo ý nghĩa chạm đến... theo ý nghĩa lãnh hội là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bon chân lý là có chung một sự thấu triệt. Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có hai tướng trạng của chân lý: Tướng trạng hữu vi và tướng trạng vô vi; đây là hai tướng trạng của chân lý. Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có sáu tướng trạng của chân lý: Đối với các chân lý hữu vi, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi chúng tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý vô vi, sự sanh khởi không được nhận biết, sự hoại diệt không được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi không được nhận biết; đây là sáu tướng trạng của chân lý. Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có mười hai tướng trạng của chân lý: Đối với chân lý về khổ, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tôn tại trạng thái biên đôi được nhận biêt; đôi với chân lý vê nhân sanh [khổ], sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng

thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về đạo, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về sự diệt tận [khổ]? không sự sanh khởi được nhận biết, không sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại không trạng thái biến đổi được nhận biết; đây là mười hai tướng trạng của chân lý. Thuộc về bốn chân lý, có bao nhiêu là thiện, có bao nhiêu là bất thiện, có bao nhiêu là vô ký? Chân lý về nhân sanh [khổ] là bất thiện; chân lý về đạo là thiện; chân lý về sự diệt tận là vô ký; chân lý về khổ có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là vô ký. Có thể ba chân lẹ được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý vê phương diện nên tảng theo thứ lớp? Có thể: Có thể là [có ý nghĩa] thế nào? [Nếu] chân lý về khổ là bất thiện và chân lý về nhân sanh [khổ] là bất thiện; như vậy theo ý nghía của bất thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý, [Nếu] chân lý về khổ là thiện vả chân lý về đạo là thiện; như vậy theo ý nghĩa của thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hơp với hai chân lý. [Nếu] chân lý ve khổ là vô ký và chân lý về sự diệt tận [khô] là vô ký; như vậy theo ý nghĩa của vô ký, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. Như vậy, có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp.

[Duyên khỏi ờ Sāvatthi] Này các Tỳ-khiru, trước lúc Toàn giác, khi hãy còn là Bồ-tát chưa thành Chánh đẳng giác, điều này đã khởi đến Ta: Đối với sắc, điều gì là khoái lạc? điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thọ9 điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với tưởng, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất lỵ? Đối với các hành, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thức, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Này các Tỳ-khưu9 điều này đã khởi đến Ta đây: Tùy thuận vào sắc, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của săc. Sác là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở sác, sự từ bỏ ước muôn và tham ái ở sác; điêu này là xuât ly khỏi sắc. Tùy thuận vào thọ... Tùy thuận vào tưởng... Tùy thuận vào các hành... Tùy thuận vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của thức. Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức. r 9 r 9

Này các Tỳ-khưu9 cho đên khi nào Ta chưa biêt rõ đúng theo thực thê khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đoi với năm thủ uẩn này là như vây, này các Tỳ-khưu, cho đên khi ây Ta chưa công bô là uđã hoàn toàn

giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác,5 ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Này các Tỳ-khiru, và đến khi Ta đã biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất lỵ đối với năm thủ uẩn này là như vầy, này các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bo là Ếtđã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác,5 ở thê gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: "Sịt giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa." "Tùy thuộc vào săc? lạc và tâm sanh lên; điêu này là sự khoái lạc của sc", như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh [khổ]. "Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc", như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. "Sụ* loại bỏ ước muốn và tham ái, Sự từ bỏ ước muôn và tham ái ở sác; điêu này là xuât ly khỏi sc", như thê sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khổ]. "Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, djnh",i như the sự thau triệt do tu tập là chân lý về đạo. “Thy thuộc vào thọ,... (nt)... Tùy thuộc vào tưởng,... (nt).. Tùy thuộc vào các hành,... (nt)... Tùy thuộc vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của thức”, như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chan lý về nhân sanh [khổ]. "Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. í6Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly kh6i thức", như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khổ]. "Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, dinh", như thế sự

thấu triệt do tu tập là chân lý về đạo. Chân lý: Chân lý là theo bao nhiêu biểu hiện? Là theo ý nghĩa tàm cầu, theo ý nghĩa nắm giữ, theo ý nghĩa thấu triệt. Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] thế nào? Lão tử có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điêu gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Lão tử có sanh là căn nguyên, có sanh là nhân sanh, có sanh là sanh chủng, có sanh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết lão tử, nhận biết nhân sanh của lão tử, nhận biết sự diệt tận của lão tử, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của lão tử; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có y nghĩa] như thế.

1 /'Liên quan ba trường hợp này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, địnhy là nói về việc vạn hành dô tác đọng của sự thấu triết về nhẩn sanh [khổ], về khổ và về sự diệt tận [khổ] (PsA. m. 598).* " '

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 1019

ỵ 5 A

Sanh có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Sanh có hữu là căn nguyên, có hữu là nhân sanh, có hữu là sanh chủng, có hữu là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết sanh, nhận biết nhân sanh của sanh, nhận biết sự diệt tận của sanh, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sanh; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế. y y \

Hữu có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Hữu có thủ là căn nguyên, có thủ là nhân sanh, có thủ là sanh chủng, có thủ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa năm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết hữu, nhận biết nhân sanh của hữu, nhận biết sự diệt tận của hữu, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của hữu; chân lý theo ý nghĩa thấu triẹt là [có y nghĩa] như thế. y x A

Thủ có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thủ có ái là căn nguyên, có ái là nhân sanh, có ái là sanh chỉing, có ái là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như the. Nhận biết thít, nhận biết nhân sanh của thủ? nhận biêt sự diệt tận của thủ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thủ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghía] như thế. Ái có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Ái có thọ là căn nguyên, có thọ là nhân sanh, có thọ là sanh chủng, có thọ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết ái? nhận biết nhân sanh của ái, nhận biết sự diệt tận của ái, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của ái; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế. Thọ có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thọ có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh, có xúc là sanh

chủng, có xúc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thọ, nhận biết nhân sanh của thọ, nhận biết sự diệt tận của thọ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thọ; chân lý theo ý nghĩa thẩu triệt là [có y nghĩa] như thế. Ạ A \

XÚC có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Xúc có sáu xứ là căn nguyên, có sáu xứ là nhân sanh, có sáu xứ là sanh chủng, có sáu xứ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giũ* là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết xúc, nhận biết nhân sanh của xúc, nhận biêt sự diệt tận của xúc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của xúc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghía] như thế.

Sáu xứ CÓ điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như the. Sáu xứ có danh sắc là căn nguyên, có danh sắc là nhân sanh, có danh sắc là sanh chủng, có danh sắc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nam giữ là [có ý nghĩa] như the. Nhận biết sáu xứ, nhận biết nhân sanh của sáu xứ, nhận biết sự diệt tận của sáu xứ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sáu xứ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế. Danh sắc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Danh sắc có thức là căn nguyên, có thức là nhân sanh, có thức là sanh chủng, có thức là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết danh sắc, nhận biết nhân sanh của danh sắc, nhận biết sự diệt tận của danh sắc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của danh sắc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế. Thức có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thức có các hành là căn nguyên, có các hành là nhân sanh, có các hành là sanh chủng, có các hành là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thức, nhận biết nhân sanh của thức, nhận biết sự diệt tận của thức. nhận biết sự thực hành đưa đen sự diệt tận của thức; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế. Các hành có điêu gì là căn nguyên, có điêu gì là nhân sanh, có điêu gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Các hành có vô minh là căn nguyên, có vô minh là nhân sanh, có vô minh là sanh chủng, có vo minh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết các hành, nhận biết nhân sanh của các hành, nhận biết sự diệt tận của các hành, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của các hành; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có y nghĩa] như thế. Lão tử là chân lý vê khô, sanh là chân lý vê nhân sanh, sự xuât ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chân lý về khổ, hữu là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Hữu là chân lý về khổ, thủ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chan lự về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thủ

là chân lý về khổ, ái là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Ái là chân lý về khổ, thọ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thọ là chân lý về khổ, xúc là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chan lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Xúc là chân lý về khổ, sáu xứ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sáu xứ là chân lý về khổ, danh sắc là chân lý về nhân sanh, sự xuất

ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là ch^ì lý của đạo. Danh sắc là chân lý về khổ, thức là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thức là chân lý vê khô, các hành là chân lý vê nhân sanh, sự xuât ly cả hai là chân lý vê sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của dạo. Các hành là chân lý về khổ, vô minh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Lão tử là chân lý về khổ, sanh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chan lý về khổ, hữu có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo... (nt)... Các hành là chân lý về khổ, vô minh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Phần giảng về "Chân lýw được đầy đủ. Dứt tụng phẩm.

1022 KINH TIÊU BÔ

m. GIẢNG VÈ GIÁC CHI (BOJJHAÑGAKATHĀ)

(Duyên khởi ờ Sāvatthi) Này các Tỳ-khưu, có bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỳ-khmi, đây là bảy giác chi. Các giác chỉ: Các giác chi là với ý nghĩa gì? uĐưa đến giác ngộ,, là các giác chi. "Được giác ngộ [Sơ đạo]99 là các giác chi. "Được giác ngộ [Nhị dạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ [Tam dạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ [Tứ dạo là các giác chi? Với ý nghĩa được giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Sơ dạo]” là các giác chi. “Làm cho giác ngộ [Nhị dạo]" là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Tam dạo]" là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Tư dạo]" là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa g6p phần vào việc làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa g6p phần vào việc làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp Rhần vào việc làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa nhận lãnh tánh giác là các

giác chi. Với ý nghĩa tiếp nhận tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tạo lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa thành lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thiện tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa của nguôn góc là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của nguôn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc là các giác chi. Với ý

2 Bujjhati'. Được giác ngộ (Sơ đạo, đạo Nhập lưu). Anubujjhati'. Được giác ngộ (Nhị đạo, đạo Nhất lai). Pafibujjhati'. Được giác ngộ (Tam đạo, đạo Bất lai). Sambujjhatv. Được giác ngộ (Tứ đạo, đạo A-la- hán). Bốn từ giác ngọ theo thư bậc này đều có chung từ gốc ybudh +ya + ti có nghĩa thụ động làxuđược giác ngO“ áp dụng ặo trường hợp chưng ngộ đao đau tiên. Ba trường hợp sau cothêm các tiêp đầu ngữ anu (theo sau, kế tiếp),(hương về, hương đen), sam (hoàn toàn). DÔ không chọn được từ dịch thích hợp nên ghi đầy đủ nghĩa như V0 (ND)

nghía phụ trợ của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của nguồn góc là các giác chi. Với ý nệhĩa chín muôi của nguôn góc là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích vê nguồn góc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích vê nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa chủng tử la các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa nam giữ ve chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thanh tinh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa chín

muồi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa nam giữ ve sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thoát ly là các

giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về vo lậu là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Vơi y nghĩa cua sự viên ly la các giác chi. Vơi y nghĩa hanh vi của sự viên ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa nam giữ ve sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của nguồn là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của duyên,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thanh tjnh” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không sai trai,9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác

ngộ ý nghĩa của sự giải thoát" là các

giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của vô lau" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự viễn ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự xả ly" là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa hành vi của nguồn góc59 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của duyên" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự không sai trai" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự giải thoát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của vô lậu,9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự viễn ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa năm ẹiữ vê nguôn g6c" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ vê sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của nguồn g6c" là các giác chi. ... (nt)..."Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của nguồn g6c" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của nguồn g6c" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghía chín muồi của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa phân tích vê nguôn g6c" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phân tích vê sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn g6c" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự năm giữ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phụ trự' là các giác chi. "Được ẹiác ngộ ý nghĩa của sự hoàn bf\.. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự chuyên nhâf\.. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tản "Được giác ngộ ý nghĩa của sự ra sức" "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán lo"..."Được giác ngộ ý nghĩa của sự không xao động,\.. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự khônệ loạn dong^... "Được giác ngộ ý nệhĩa của sự trụ tâm do thiết lập tính nhất the,5... "Được giác ngộ ý nghĩa của đôi tượng [cảnh]"... "Được giác ngộ ý nghĩa của hành xứ"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dứt b6"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự buông b6"..."Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ra".. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự ly khai"... "Được giác ngộ ý nghĩa của tjnh".. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự cao quý^... "Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát"... "Ehrọrc giác ngộ ý nghĩa của vô lậu"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự vượt qua"..."Được giác ngộ ý nghĩa của vô tướng"... "Được giác ngộ ý nghĩa của vô nguyên"..."Được giác ngộ ý nghĩa của không tánh"..."Được giác ngộ ý nghĩa của nhát vj".. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không vượt quá".. "Buọrc giác ngộ ý nghĩa của sự két hợp chung"..."Birọrc

giác ngộ ý nghĩa của sự dẫn xuấf\.. "Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận thiic" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của pháp chủ

dạo" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chi tịnh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa quán xét của minh st" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của chỉ tịnh và minh sát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không vượt quá của sự kết hợp chung" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thọ trì của việc học táp" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành xứ của đối tượng" là các giác chi. uĐược giác nệộ ý nghĩa ra sức đối với tâm bị trì tre" ..."Được giác ngộ ý nghĩa kiềm chế đoi với tâm bi phóng dāf\.. "Được giác ngộ ý nghĩa dửng dưng [có trạng thái xả] đối với hai trạng thái [trì trệ và phóng dật] đã được trong sạch"..."Được giác ngộ ý nghĩa của sự chứng đắc thù thắng"..."Được giác ngộ ý nghĩa của sự thấu triệt bậc trên".. "Duqc giác ngộ ý nghĩa của sự lãnh hội chân ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự an lập Niết-bàn^, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cương quyêt của tín quyên^, là các giác chi. ... (nt)... uĐược giác ngộ ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền,^ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở sự không có đức tin của tín lực" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chát khônẹ dao động ở vô minh của tuệ lụ*c" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiêt lập của niệm giác chi" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của chánh kiến" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chánh dinh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chủ đạo của các quyền,9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không thể bi lay chuyển của các Iịtc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]99 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chủng tử của dạo" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của sự thiết lập niệm9' là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của các chánh cần^, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của các nền tảng của thần thông^ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thực thể của các chân ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tịnh lặng của các việc thực hành [Thánh dạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tác chứng của các quả" là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa đưa tâm [đến đối tượng] của tầm,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa khắng khít [vào đối tượng] của tứ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa lan tỏa của hy" là các giác chi. "Được giác n^ộ ý nghĩa tràn ngập của lạc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chuyên nhát của tâm [định là các giác chi. "Được giác ngộ ý nệhĩa của sự hướng tâm,^ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biêt [của thức]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết [của tũệ�best' là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận

biết [của tưởng]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự độc nhất" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa đã được biết của sự biết r" là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa quyết đoán của sự biết toàn diên" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa buông bỏ của sự dứt b6"..."Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của sự tu tập,9... "Được giác ngộ ý nghĩa chạm đến của sự tác chứng"... 4CĐược giác ngộ ý nghĩa tập hợp của các uẩn".. "E)u°c giác ngộ ý nghĩa bản thể của các giớf\.. "Được giác ngộ ý nghĩa vị the của các xứ"... "Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tạo tác của Niết-bà" la các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của

tâm^, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa liên tục của tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thoát ra của tâm".. "Được giác ngộ ý nghĩa ly khai của tâm".. giác ngộ ý nghĩa về chủng tử của tam,\.. ÍCĐược giác ngộ ý nghĩa về duyên của tâmy... "Được giác ngộ ý nghĩa về vật nương của tâm".. "Được giác ngộ ý nghĩa về lãnh vực của tâm".. "Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đối tượng] của tâm".. uĐược giác ngộ ý nghĩa về hành xứ của t2m".. "Được giác ngộ ý nghĩa về hành vi của tâm5\.. "Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đã đạt đến] của tâm”... '"Được giác ngộ ý nghĩa về sự quyết đinh của 6íĐược giác ngộ ý nghĩa về sự dẫn xuất [ra khỏi cảnh] của tâm^, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự xuất ly của tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa vê sự hướng tâm ở nhát thê" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của thức] ở nhất thể95 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của tuệ] ở nhất thể”..."Được giác ngộ ý nghía về sự nhận biết [của tưởng] ở nhất thể^... "Được giác ngộ ý nghĩa độc nhất ở nhất thể".. "Buyc giác nẹộ ý nghĩa về sự bám vào nhất thể".. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự tiến vào nhát thể [đối với sơ thiền]95... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoan hỷ ở nhất thể [đối với nhi thiền]"..."Được giác ngộ ý nghĩa về sự an trụ ở nhất thể [đối với tam thien]^... uĐược giác ngộ ý nghĩa về sự giải thoát ở nhất thể [đối với tứ thiền]”... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận thức 'Đây là tỉnh' ở nhất thể".. "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành phương tiện ở nhất thể”.. "Duerc giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành nen tảng ở nhất thể”...“Buerc giác ngộ ý nghĩa về việc đã được thiết lập ở nhất thể”...“Duorc giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tích lũy ở nhất thể\.. "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng ở nhất thể99... "Được giác ngộ y nghĩa về sự nắm giữ ở nhất th¥.. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự phụ trợ ở nhát thể”.. "pugc giác ngộ ý nghĩa về sự hoàn bi ở nhất thể,5... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự liên kết ở nhất thể”.."Dược giác ngộ ý nghĩa về sự khẳng định ở nhất thể"...“ọrc giác ngộ ý nghĩa về sự rèn luyện ở nhất thể”.. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể”..."Được giác ngộ ý nghĩa về sự làm cho sung mãn ở nhất thể”... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở

nhất thể" là các giác chi. "'Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được giải thoát ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể,9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhát the” là các ệiác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất the" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Sơ đạo] ở nhát the”

là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Nhi đạo] ở nhát the” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm sáng t6” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nẹhĩa của sự chói sáng^ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiêu đốt các phiên não59 là các giác chi. "Được giác ngộ y nghĩa không nhơ bẩn" là các giác chi. uĐược giác ngO ý nghĩa tách rời nhơ bân” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hết nhơ bân" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tĩnh lặng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của thời di6m" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tách ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh tách ly” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của ly dục,^ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh ly dục,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của diệt tận59 là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của hạnh diệt tận” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của xả ly” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh xả ly” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoáf9 là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của hạnh giải thoát59 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của ước muốn,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nguồn gốc của ước muốn,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của ước muốn" là các giác chi. ctĐược giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của ước mu6n“ là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của ước muốn,, là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa cương quyết của ước muốn^^ là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa ra sức của ước mu6n” là các giác chi. 66Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của ước muốn,5 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của ước mu6n" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của ước muốn,9 là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của tinh tấn,, là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của tâm,, là các giác chi... (nt)... uĐược giác ngộ ý nghĩa của thẩm xéf9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nguồn cội của thẩm xéf9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của thẩm xéc là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của thẩm xéc là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của thẩm xéf là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa cương quyết của thẩm x6t" là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa ra sức của thẩm x6t” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của thâm x6t" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của thẩm x6t” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa áp bức của khô95 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của khố" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nóng nảy của khổ55 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chuyên biên của kh8" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của nhân sanh [kh6]"... (nt)... ý nghĩa tích lũy [nghiệp]... (nt)... ý nghĩa căn nguyên... (nt)... ý nghĩa ràng buộc... (nt)... ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [kho],, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự diệt tận [kh6]"... (nt)... ý nghĩa xuất ly... (nt)... ý nghĩa viễn ly... (nt)... ý nghĩa không tạo tác... (nt)... ý nghĩa bất tử của sự diệt tận P<h8]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của dạo"...(nt)... ý nghĩa dẫn xuất... (nt)... ý nghĩa chủng tử... (nt)... ý nghĩa nhận thức... (nt)... ý nghĩa pháp chủ đạo của dạo" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của thực the” là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của vô nga” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa

của chân ly” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của thấu trief9 là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của biết r" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của biết toàn diên” là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của hiện tượng” là các giác chi. uĐược giác ngộ ý nghĩa của bản thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của điều đã được biết" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tác chứng,, là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của chạm đến" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của lih hội' la các giác chi. "Được giác ngộ về sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự không sân dOc" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng" là các giác chi. uĐược giác ngộ về sự không tản mạn" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự xác định pháp" là các giác chi. uĐược giác ngộ về trí [đối kháng vô minh],^ là các giác chi. "Được giác ngộ về sự hân hoan,, là các giác chi. "Được giác ngộ về sơ thiền” là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ sự chứng đạt ve Phi tưởng phi phi tưởng xứ" là các giác chi. "Được giác ngộ sự quán xét về vô thuơng" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ đạo Nhập lưu" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ đạo A-la-hán" là các giác chi. "Được giác ngộ sự chứng đạt quả A-la-hán" là các giác chi. "Được giác ngộ tín quyên theo ý nghĩa cương quy ét" là các giác chi. ...

(nt)... "Được giác ngộ tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở vô minh” là các giác chi. "Được giác ngộ niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập" là các giác chi.... (nt)... "Được giác ngộ xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt là các giác chi. "Được giác ngộ chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi.... (nt)... "Được giác ngộ chánh định theo ý nghĩa không tản mạn,, là các giác chi. "Duợc giác ngộ các quyền theo pháp chủ dạo" là các giác chi. "Được giác ngộ các lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyên" là các giác chi. "Được giác ngộ các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hôi],, là các giác chi. "Được giác ngộ đạo theo ý nghĩa chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết láp” là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực" là các giác chi. "Được giác ngộ các nên tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu” là các giác chi. "Được giác ngộ chân lý theo ý nghĩa thực thê" là các giác chi. "Được giác ngộ chỉ tinh theo ý nghĩa không tản mạn" là các giác chi. "Được giác ngộ minh sát theo ý nghĩa quán xét95 là các giác chi. "Được giác ngộ chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất là các giác chi. "Được giác ngộ sự két hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá" là các giác chi. "Được giác ngộ giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc" là các giác chi. "Được giác ngộ tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn,, là các giác chi. "Được giác ngộ kiến thanh tinh theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa thoát kh6i" là các giác chi. "Được giác ngộ về minh theo ý nghĩa thấu triệt^ là các giác chi. "Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ55 là các giác chi. "Được giác ngO trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ" là các giác chi. uĐược giác ngộ trí vê sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng,5 ià các giác chi. "Được giác ngộ về sự ước muốn theo ý nghĩa nguồn cOi" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh kh&i" là các giác chi. "Được giác ngộ về xúc theo ý nghĩa liên kết" là các

giác chi. "Được giác ngộ về thọ theo ý nghĩa hội tụ" là các giác chi. "Được giác ngộ về định theo ý nghĩa dẫn dầu" là các giác chi. "Được ẹiác ngộ về niệm theo ý nghĩa pháp chủ dạo" là các giác chi. "Được giác ngộ vê tuệ theo ý nghía của sự cao thượng trong các pháp thiện59 là các giác chi. "Được giác ngộ vê giải thoát theo ý nghĩa cốt 16i" là các giác chi. "Được giác ngộ về Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thú} là các giác chu

(Duyên khỏi ờ Sāvatthi)
Tại nơi ấy, Đại đức Sāriputta đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:
Này các Đại đức Tỳ-khưu.
Thưa Đại đức.
PHÂN TÍCH ĐẠO 1031

Các vị Tỳ-khmi ấy đã trả lời Đại đức Sāriputta. Đại đức Sāriputta đã nói điều này: Này các Đại dức, đây là bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi... (nt)... xả giác chi. Này các Đại đức, đây là bảy giác chi. Này các Đại dức, trong sô bảy giác chi này, [nêu] tôi đây mong muôn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi đây mong muôn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] "niệm giác chi" hiện hữu ở tôi, là "v6 lYợng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩiủi lặqg" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "n6 tồn t"Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "N6 biến mất ở tôi do duyên ấy." Nếu [điều gọi là] "trạch pháp giác chi"...(nt)... 6txả giác chi" hiện hữu ở tôi, là "v6 lượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lặịig" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "116 tồn Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "No biến mất ở tôi do duyên ấy." Này các Đại dức, cũng giống như trường hợp đức vua hoặc vi quan đại thần của đức vua có chiếc rương đầy các loại vải nhiều màu sắc khác nhau. Nếu vi ây mong muôn choàng lên vào buôi sáng một cặp vải nào đó thì có thê choàng lên vào buổi sáng chính cặp vải ấy. Nếu vi ấy mong muốn choàng lên vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi chiều chính cặp vải ấy. Này các Đại dức, tương tợ y như thế trong số bảy giác chi này, [nếu] tôi mong muốn an trủ vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi mong muốn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] "niêm giác chi" hiện hữu ở toi, là "v6 [ượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lāng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là unó tồn tại.,, Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng:6"Nó biến mất ở tôi do duyên ấy." Nếu [điều gọi là] "trạch pháp giác chi"...(nt)... "xả giác chi" hiện hữu ở tôi, là uvô Mọng" ở tôi, là "khỏi đầu thật tính lng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là unó tồn tại.,, Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "N6 biến mất ở tôi do duyên ấy." Có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'niệm giác chi9 hiện hữu" là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nao sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "n8u [điều gọi là] 'niệm giác chi5 hiện hữu." Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho

đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đên khi ây còn có ngọn lửa. Tương tợ y như thê, cho đên khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: uNếu [điều gọi là] 'niim giác c&r hiên hữu.” Có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'vô lượng9,9 là [có ý nghía] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đên tái

sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghía không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đên khi nào sự diệt tận còn được thiêt lập thì cho đên khi ây còn có giác chi như vây: "Nếu [niệm giác chi] là c vô lượng .5 Có giác chi như vầy: “Nếu [niệm giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng"' là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đên khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh ỉặng\" "Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại5. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy" là [có ý nghĩa] thế nào? Niệm giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Niệm giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện? Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện. Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, niệm giác chi tồn tại; niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện này. Niệm giác chi biên mát với tám biêu hiện gì? Do hướng tâm đên sự sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do khônẹ hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đên sự vận hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi biến mất; niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện này. "Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại\ Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy"' là [có ý nghĩa] như thế. Có giác chi như vầy: “Nếu [điều gọi là] 'trạch pháp giác chi9 hiện hữu” là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Có giác chi như vầy: “Nếu [điều gọi là] 'xả giác chi hiện hữu" là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn hiện hữu giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'xả giác chi9 hiện hữu.” Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tợ y như thế,

cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: “Nếu [điều gọi là] 'xả giác chihiện hữu." Có giác chi như vày: “Nếu [xả giác chi] là 6vô lượng9,9 là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bi lay chuyển, theo ý nệhĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiễt lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 4vốlượng\,9 Có giác chi như vầy: “Nếu [xả giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lang”' là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tinh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đen khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đen khi áy còn có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 'khởi đầutốtđẹp vàtĩnhlặng,.,, "Và tôi nhận biết về điều ấy dang tồn tại là 'nó tồn tại\ Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mát ở tôi do duyên ấy'" là [co ý nghĩa] thế nào? Xả giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Xả giác chi biến mất với bao nhiêu biêu hiện? Xả giác chi ton tại với tám biểu hiện. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện. Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, xả giác chi tồn tại. Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện này. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự khôn^ sanh khởi, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi biên mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi biến mất. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện này. "Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'no tồn tại5. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy”' là [có ý nghĩa] như thế. Phần giảng về í6Giác chi” được đầy đủ.

IV GIẢNG VỀ TỪ ÁI (METTĂKATHĂ)

(Duyên khỏi ờ Sāvatthi) “Này các Tỳ-khưu, khi từ tâm giải thoát3 là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đâu tốt dép và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích là có thể mong mỏi. Mười một là gì? [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mị xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc đao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp tối thượng thì được sanh về thế giới Phạm thiên. Này các Tỳ-khưu, khi từ tâm giải thoát là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện,

được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích này là có thê mong mỏi. Có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sư lan tỏa giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với mười biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện gì? "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả các sinh mạng... (nt)... Tất cả các hiện hữu... (nt)... Tất cả các cá nhân... (nt)... Tất cả các hạng có bản ngã hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản th2n." Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện này. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện gì? "Tất cả nữ nhân hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở? hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân...

3 Từ tâm giải thoát (mettācetovimuttī) được giải thích ở bên dưới gồm có ba yếu tố: Từ ái, tâm và giải thoát (mettā ca ceto ca vimutti cāti mettācetovimuttī). (ND)

Tất cả chư thiên ... Tất cả loài người...Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, không độc hại, không kho sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.^^ Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện này. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện gì? "Tất cả chúng sanh ở hướng Đông hãy là không thù nghịch, không độc hại5 không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả chúng sanh ở huớng Tây... Tất cả chúng sanh ở hướng Bắc..; Tất cả chúng sanh ở hướng Nam... Tát cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Tất cả chúng sanh ở hướng trên, hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.,^ “Tất cả các sinh mạng ở hướng Đông... các hiện hữu... các cá nhân... các hạng có bản ngã... Tất cả nữ nhân... Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân... Tát cả chư thiên... Tát cả loài người... Tát cả hàng đọa xứ ở hướng Đong... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... (nt)... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.,, Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện này. Đôi với tát cả chúng sanh, xua đi sự áp bức băng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự

không quấy rối rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khô đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ dàu.” 'Thể hiện từ ái đến tất cả chúng sanh với tám biểu hiện này" la từ ái. “Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát. Cương quyêt với đức tin răng: ẾÍTât cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc,9; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Ra sức tinh tân răng: ^Tât cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc,?; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền. Thiết lập niệm rằng: 'Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền. r Tập trung tâm răng: :Tát cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc59; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi đinh quyền. Nhận biết bằng tuệ rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm quyên này. Năm quyên này là sự tô diêm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm quyền này. Đôi với từ tâm giải thoát, năm quyên này là sự rèn luyện, là sự tu tập, là được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "diều này là an tjnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nen tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng đinh tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. [Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an 0c", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự không có đức tin; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín lực. [Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự biếng nhác; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực. [Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi sự buông lung; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực. [Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an l@c", như thế [vi ấy] không rung động bởi sự phóng dật; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực. [Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc9\ như thế [vị ấy] không rung động bởi vô minh; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực. Năm lực này

là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm lực này. Năm lực này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm lực

này. Năm lực này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm lực này. Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "diều này là an tjnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Thiết lập niệm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi. Suy xét bằng tuệ rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an 0C” như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi. Ra sức tinh tân răng: "Tát cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn5 được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi. Làm an tịnh sự bực bội rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an]ạc“ như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi. , r y r Làm an tịnh sự thô xâu răng: 6íTât cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi. Tập trung tâm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi. Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an Iqc” như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi. Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào bảy giác chi này. Bảy giác chi này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào bảy giác chi này. Bảy giác chi này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào bảy giác chi này. Bảy giác chi này là sự tô diêm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào bảy giác chi này. Bảy giác chi này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy ệiác chi này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này. Đối với từ tâm giải thoát, bảy giác chi này là sự rèn

luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tinh9\ là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, la đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ5 làm cho rạng rỡ. Nhận thức đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến. ỉ y r Găn chặt đúng đan [tâm vào cảnh] răng: “Tát cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy. Gìn giữ đúng đan răng: “Tát cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an]ạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ. Làm cho sanh khởi đúng dăn răng: “Tát cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên on, được an lạc”; như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp. Làm cho trong sạch răng: uTât cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng. Ra sức đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên on, được an lạc"; như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn. Thiết lập đúng đắn rằng: “Tất c chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc” như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm. Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: :Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh đinh. Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào tám chi đạo

này. Tám chi đạo này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tjnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Đôi với tát cả các sinh mạng... Đôi với tát cả các hiện hữu... Đôi với tát cả các cá nhân... Đối với tất cả các hạng có bản ngã... Đối với tất cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với

tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bi kho đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ dàu." "Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này l từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại,9 là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát. Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)... chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây... Đôi với tát cả chúng sanh ở hướng Bác... Đôi với tát cả chúng sanh ở hướng Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả chiiĩig sanh ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Đôi với tát cả chúng sanh ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả chúng sanh ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bi khổ đau?9 uThể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này" là từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát” là từ tâm giải thoát.

1040 KINH TIỀU Bộ

Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an l,c"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Đôi với tát cả các sinh mạng ở hướng Đông... Đôi với tát cả các hiện hữu... Đôi với tát cả các cá nhân... Đôi với tát cả các hạng có bản ngã... Đôi với tát cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bang sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ dàu." "Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này" là từ ái. “Suy xét về pháp ấy” là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại” là giải thoát. "Từ ái, tâm và

giải thoáf9 là từ tâm giải thoát. Cương quyêt với đức tin răng: "Tát cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Ra sức tinh tấn rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên on, được an lạc"; như the từ tâm ệiải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền. Thiết ỉập niệm rằng:... (nt)... như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyên. Tập trung tâm rằng:... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyên. Nhận biết bằng tuệ rằng:... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền. Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Không dao động ở sự không có đức tin rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyên. Không dao động ở sự biếng nhác rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăn^ cường bởi tấn lực. Không dao động ở sự buông lung rang: ... (nt)... như the từ tâm giải thoát là được tănệ cường bởi niệm lực. Không dao động ở sự phóng dật răng: ... (nt)... như thê từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực. Không dao động ở vô minh rang: ... (nt)... như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực. Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được

rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ... (nt)... chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Thiết lập niệm rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an l@c"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi. Suy xét bằng tuệ rằng: ... (nt)...như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi. Ra sức tinh tấn rằng:... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi. Làm an tinh sự bực bội rằng:... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi. Làm an tịnh sự thô xấu rằng: ... (nt)... như thể từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi. Tập trung tâm rang:... (nt)... như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi. Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi. Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ bảy giác chi này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Nhận thức đúng đắn rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tănẸ cường bởi chánh kiến. Gắn chặt đúng đắn [tâm vào cảnh] rằng:... (nt).. như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy. Gìn giữ đúng đắn rằng: ... (nt)... như the từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ. Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng:... (nt).. như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp. Làm cho trong sạch rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng. Ra sức đúng đan rằng:... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn. Thiêt lập đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm. Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định. Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm

giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này... (nt)... Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, tư tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng đinh tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ. Phần giảng về “T* áiw được đầy đủ.

1042 KINH TIÊU BÔ

V GIẢNG VÈ LY THAM ÁI (yịRẴGAKATHẦ)

Ly tham ái là đạo, sự giải thoát là quả. Ly tham ái là dạo, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, loại bỏ tà kiến, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được ton tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.45 Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái",5 như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa di", như thế là đạo lộ có tám chi phần. “Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà- la-môn5 chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú" như thể trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất. ỉ Chánh tư duy theo ý nghĩa găn chặt [tâm vào cảnh], loại bỏ tà tư duy. ... (nt)... Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, loại bỏ tà ngữ. ... (nt).. Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, loại bỏ tà nghiệp. ... (nt).. Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, loại bỏ tà mạng. ... (nt)... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, loại bỏ tà tinh tấn. ... (nt)... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, loại bỏ tà niệm. ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ tà đinh, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái. Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. uBảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ár\ như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa di", như thế là đạo lộ có tám chi phân. “Cho đên các đạo lộ của các học thuyêt khác, của sô đông Sa-môn và Bà- la-môn5 chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú” như thế trong số các đạo lộ, tám chi phàn là hạng nhất.

4 Đoạn này nếu dịch theo Chủ giảiy sẽ là: Ly tham ái có đối tượng là Niết-bàn, có hành xứ là Niết-bàn, được hiện khởi ở Niết-bàn, được tồn tại ở Niết-bàn, được thiết lập ở

Niết-bàn (PsA. III. 608). 5 Là bảy chi phần còn lại của Thánh đạo tám chi phần, trừ bớt đi chánh kiến (PsA. III. 608).

Vào sát-na đạo Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh đinh theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngam có tính chát thô thiên, loại bỏ các phiên não xu hướng theo điêu ây và các uân5 loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái. Ly tham ái: Có hai lỵ tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niêt-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phân đồng sanh đi đến ly tham ái", như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa di", như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của so đông Sa-môn và Bà- la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú" như thế trong so các đạo lộ5 tám chi phần là hạng nhất. Vào sát-na đạo Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế? loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái... (nt).. như thế, trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất. Vào sát-na đạo A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt).. Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được ton tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái. Ly tham ái: Có hai lỵ tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đôi tượng Niêt-bàn đêu là ly tham ái. "Bảy chi phân đồng sanh đi đến ly tham ái", như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa di”như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn5 chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn dầu, tối thượng và ưu tú"; như thế, trong so các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất. Ly tham ái là nhận thức, tức là chánh kiến. Ly tham ái là sự gắn chặt [tâm vào cảnh], tức là chánh tư duy. Ly tham ái là sự gìn giữ, tức là chánh ngữ. Ly tham ái là nguồn sanh khởi, tức là chánh nghiệp. Ly tham ái là sự trong sạch, tức là chánh mạng. Ly tham ái là sự ra sức, tức là chánh tinh tấn. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là chánh niệm. Ly tham ái là sự không tản mạn, tức là chánh định. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm giác chi. Ly tham ái là sự suy xét, tức là trạch pháp giác chi. Ly tham ái là sự ra sức, tức là cần giác chi. Ly tham ái là sự lan tỏa, tức là hỷ giác chi. Ly tham ái là sự an tịnh, tức là tịnh giác chi. Ly

tham ái là sự không tản mạn, tức là đinh giác chi. Ly tham ái là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi. Ly tham ái là không dao độnẹ ở sự không có đức tin, tức là tín lực. Ly tham ái là không dao động ở sự biêng nhác, tức là tấn lực. Ly tham ái là không dao động ở sự buông lung, tức là niệm lực. Ly tham ái là không dao động ở sự phóng dật, tức là định lực. Ly tham ái là không dao động ở sự vô minh, tức là tuệ lực. Ly tham ái là sự cương quyết, tức là tín quyên. Ly tham ái là sự ra sức, tức là tấn quyền. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm quyền. Ly tham ái là sự không tản mạn, tức là định quyền. Ly tham ái là sự nhận thức, tức là tuệ quyền. Các quyền, theo ý nghĩa chủ dạo, là ly tham ái. Lực, theo ý nghĩa không thể bi lay chuyển, là ly tham ái. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là ly tham ái. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, là ly tham ái. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là ly tham ái. Các chân lý? theo ý nghĩa của thực thể, là ly tham ái. Chỉ tinh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là ly tham ái. Chỉ tinh và minh sát, theo ý nghĩa nhát vị? là ly tham ái. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là ly tham ái. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là ly tham ái. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Kiến thanh tinh, theo ý nghĩa nhận thức, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là ly tham ái. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ9 là ly tham ái. Trí vê sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, là ly tham ái. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là ly tham ái. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là ly tham ái. Xúc, theo ý nghĩa liên kêt, là ly tham ái. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là ly tham ái. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là ly tham ái. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa của cót lõi, là ly tham ái. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là ly tham ái. Sự nhận thức là dạo, tức là chánh kiên. Sự găn chặt [tâm vào cảnh] là đạo, tức là chánh tư duy... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là đạo. Ly tham ái là dạo, là [có ý nghĩa] như thế. Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, được giải thoát khỏi tà kiên, được giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niếtbàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả. Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], giải thoát khỏi tà tư

duy, giải thoát khỏi các phiên não xu hướng theo điêu áy và các uân, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tôn tại ở giải thoát, được thiết lập ơ giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: Ế4Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoaf9; như thế, giải thoát là quả. Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, giải thoát khỏi tà ngữ... Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, giải thoát khỏi tà nghiệp... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, giải thoát khỏi tà mạng... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, giải thoát khỏi tà tinh tấn... Chánh niệm

theo ý nghĩa thiết lập, giải thoát khỏi tà niệm... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi tà đinh, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự gii thoát"; như the, sự giải thoát là quả. Vào sát-na quả Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngàm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điêu ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phan. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thot"; như thế, giải thoát là quả. Vào sát-na quả Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế5 ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điêu ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tôn tại ở giải thoát, được thiêt lập ở giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ... (nt)... giải thoát là quả. Vào sát-na quả A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt).. Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, Iiệã mạn ngủ ngầm, ái hữu nẹủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, giải thoát khỏi các phiên não xu hướng theo điều áy và khỏi các uẩn, giải thoát

khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát. Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả. Giải thoát là sự nhận thức, tức là chánh kiến.... (nt)... Giải thoát là sự không tản mạn, tức là chánh định. Giải thoát là sự thiết lập, tức là niệm giác chi.... (nt)... Giải thoát là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi. Giải thoát là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực.... (nt)... Giải thoát là không dao động ở vô minh, tức là tuệ lực. Giải thoát là sự cương quyêt, tức là tín quyên... (nt)... Giải thoát là sự nhận thức, tức là tuệ quyền. Các quyên, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Các lực, theo ý nghĩa không bị dao động, là sự giải thoát. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là sự giải thoát. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, là sự giải thoát. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là sự giải thoát. Chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực, là sự giải thoát. Các nền tảng của thần thông, theo ý nghĩa thành tựu, là sự giải thoát. Các chân lý5 theo ý nghĩa thực thê, là sự giải thoát. Chỉ tinh, theo ý nghĩa không tản mạn, là sự giải thoát. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là sự giải thoát. Chỉ tinh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là sự giải thoát. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không

vượt quá, là sự giải thoát. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là sự giải thoát. Tâm thanh tinh, theo ý nghĩa không tản mạn, là sự giải thoát. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là sự giải thoát. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ; là sự giải thoát. Trí về vô thủ, theo ý nghĩa an tinh, là sự giải thoát. Ước muốn, theo ý nghĩa nguôn cội, là sự giải thoát. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là sự giải thoát. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là sự giải thoát. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là sự giải thoát. Định, theo ý nghĩa dẫn dầu, là sự giải thoát. Niệm, theo ý nghĩa chủ dạo, là sự giải thoát. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là sự giải thoát. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là sự giải thoát. Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế. Ly tham ái là dạo, sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế. Phần giảng về 66Ly tham áiw được đầy đủ.

VI. GIẢNG VỀ SựPHÂN TÍCH {PA TISAMBHIDẮKATHẦ)

Tôi đã được nghe như vây: Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai. Tại đó, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng: Này các Tỳ-khưu, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành. Hai là gì? Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích; và đây là sự gắn bó với việc hành hạ bản thân đau khô, không cao thượng, khống đem lại lợi ích. Này các Tỳ-khưu, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lôi thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn. Và này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tinh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niet-bàn, [lối thực hành trung hòa] ấy là gì? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định. Này các Tỳ- khiru, lối thực hành trung hòa ấy đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiên cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niêt-bàn. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khô, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là kho, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là kho, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ, một cách tóm tắt năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và tham ái, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ. Điều ấy là sự diệt tận và ly tham ái không còn dư sót, là sự buông bỏ, là sự từ bỏ? là sự giải thoát, là sự không còn chỗ nương tựa đối với chính ái ấy. Này các Tỳ-khiru, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến... (nt)... chánh định. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi,

tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khỏi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ.,, Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước dây chưa từng được nghe: “Dây là chân lý cao thượng, tức là sự kho cần được biêt toàn diện.,,... (nt)7. đã được biết toàn diên." Này các Tỳ-khtru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh kh6.” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Dây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ càn được dứt bM” ... (ní)... đã được dứt b6. Này các Tỳ-khun, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ.,, Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng." ... (nt)... đã được tác chứng.” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kho?9 Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đoi với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập?9... (nt)... đã được tu tập.,, Này các Tỳ-khưu? cho đến khi nào sự biết và thấy đúng theo thực thể của Ta về ba luân và mười hai thể của bốn chân lỵ cao thượng này chưa được thực sự thanh tinh; này các Tỳ-khiru9 cho đên khi ây Ta chưa công bô là: ÍCĐã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác" ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cối Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và này các Tỳ-khun, bởi vì sự biêt và thây đúng theo thực thê của Ta về ba luân và mười hai thể trong bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu? khi ấy Ta đã công bố là: "Đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng gic” ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đên dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: “Sịt giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nūa?9 Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Các Tỳ-khxru nhóm năm vị đã hoan hỷ

PHÂN TÍCH ĐẠO 1049

thâu nhận lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Kondañfla: "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệty Khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārānasī, Isipatana, nơi

Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn9 Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.,, Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ... (nt)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lơi đã đồn đãi lời rằng:...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma... (nt)... chư thiên ở cõi Đẩu-suất... (nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc... (nt).. chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm Chúng thiên đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp tối thượng ây đã được đức Thê Tôn chuyên vận tại Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên dòi." Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bi lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng vô lượng tuyệt vời đã hiện ra ở thê gian, vượt quá hào quang siêu phàm của chư thiên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Quả nhiên Kondañña đã hiểu được! Quả nhiên Kondafma đã hiểu duve!" Do đó, Đại đức Kondañfla đã có tên là "Aflfiakoíidaíiíia."6 [Pháp] nhãn đã sanh khỏi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Dây là chân lý cao thượng, tức là sự kho?6 *9 u[Pháp] nhãn đã sanh khởf, theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh kh&i” theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gi? "Minh đã sanh khởi^, theo ý nghĩa gì? “Anh sáng đã sanh khỏd” theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi,9 theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khỏd" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khởi,9 theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi^, theo ý nghĩa thấu triệt. “Anh sáng đã sanh khởi^, theo ý nghĩa chiêu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ây. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các ph§p."

6 Tên gọi Aññākondañña (aññā + kondañña) của vị này có nghĩa là ^Kondañña, đã hỉểuy Từ aññā được trích từ lời nói của đức Phật là: ^Aññāsi vata bho Kondañño, aññāsi vata bho Kondañño" (Quả nhiên Kondañña đã hiểu được! Quả nhiên Kondañña đã hiểu được!) rồi ghép vào phía trước tên Kondañña của vị ấy. (ND)

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc áy, các hành xứ của việc áy cũng là các đôi tượng của việc áy. Vì thê, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa?5 Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ." Các trí vê năm pháp, các trí vê năm ý

nghĩa, các trí vê mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc áy cũng là các đôi tượng của việc áy. Vì thê, được nói răng: "Trí vê các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.^, [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diên."...nt...đã được biết toàn diện.,, "[Pháp] nhãn đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi^, theo ý nghĩa gì? "Minh đã sanh khỏi" theo ý nghĩa gì? "Anh sáng đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh kh&i" theo ý nghĩa nhận thức, "Trí đã sanh khỏi" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khỏi" theo ý nghĩa nhận biết. "Minh đã sanh khởi,, theo ý nghĩa thấu triệt. "Anh sáng đã sanh kh&i" theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đổi tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các pháp." Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghía." Nói đên văn tự và ngôn từ đê chỉ rõ vê năm pháp. Nói đên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 1051

của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ." Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đoi tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy5 các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.,, ở chân lý cao thượng tức là sự khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh kh8." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt b6." ... (nt)... đã được dứt b6." ... (nt)... ở chân lý cao thượng tức là nhân sanh khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ.99... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng." ... (nt)... đã được

tác chứng." ... (nt)... ở chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap." ... (nt)... ơ chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đên sự diệt tận khô có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. ở bốn chân lý cao thượng có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí. Này các Tỳ-khưu9 Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là sự quán xét thân trên thân." Này các Tỵ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)...ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập." Này các Tỳ-khưu? Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là sự quán xét

thọ trên các thQ.” ... tâm trên tâm.,^... pháp trên các pháp?5 Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đoi với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sịt quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt).. đã được tu tap" [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thân trên th2ĩi”...(nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sịt quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.,, "[Pháp] nhãn đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh khỏi" theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi^, theo ý nghĩa gì? "Minh đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? “Anh sáng đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi55 theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh kh&i" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khỏi" theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi95 theo ý nghĩa thấu triệt. “Anh sáng đã sanh khỏi" theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đôi tượng của việc ây. Vì thê, được nói răng: "Trí vê các pháp là sự phân tích các pháp." Y nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điêu đã được biêt là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ây, các hành xứ của việc ây cũng là các đôi tượng của việc ây. Vì thế, được nói rang: "Trí ve các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghía." Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ây? các hành xứ của việc ây

cũng là các đôi tượng của việc ây. Vì thê, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.,, Các trí vê năm pháp, các trí vê năm ý nghĩa, các trí vê mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.,^ ở sự thiết lập niệm về quán thân trên thân có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Dây là sự quán xét thọ trên các thọ.^,... tâm

PHÂN TÍCH ĐẠO 1053

trên lâm.” ... pháp trên các pháp." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sụ* quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap."...(nt)... ở sự thiết lập niệm về quán pháp trên các pháp có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. ở bốn sự thiết lập niệm có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí. Này các Tỳ-khưu5 Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thân thông hội đủ [các yêu tô] định do ước muôn và các tạo tác do nô Iitc." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] đinh do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây càn được tu tập... (nt)... đã được tu táp•” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là nền tảng của thân thông hội đủ [các yêu tô] đinh do tinh tân... định do tâm... định do thâm xét và các tạo tác do nỗ Iitc." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nên tảng của thân thông hội đủ [các yêu tô] định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập?5 [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ Iitc.” ...(nt)...[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khỏi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đoi với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nen tảng của thần thông hội đủ [các yêu tô] định do ước muôn và các tạo tác do nô lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tāp." "[Pháp] nhãn đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh kh&i” theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khỏi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khỏi" theo ý nghĩa gì? “Anh sáng đã sanh khỏi" theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi55 theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khởi,, theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh kh&i" theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh kh&i" theo ý nghĩa thấu triệt. “Anh sáng đã sanh kh&i” theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì

thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.,,

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghia.” Nói đên văn tự và ngôn từ đê chỉ rõ vê năm pháp. Nói đên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí ve các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.” Các trí vê năm pháp, các trí vê năm ý nghĩa, các trí vê mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.^^ ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] đinh do thẩm xét và các tạo tác do nỗ Ẹrc."...(nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập/5 ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] đinh do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí. ở bốn nền tảng của thần thông có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí. Này các Tỳ-khưu? Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự diệt tận, sự diệt tận.,, ở lời tuyên bố của Bồ-tát Vipassī có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí. Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Sikhī... Bồ-tát Vessabhū... Bồ-tát Kakusandha... Bồ-tát Konāgamana... Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng

được nghe: “Sự diệt tận, sự diệt tan." ở lời tuyên bố của Bồ-tát Kassapa có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí. Này các Tỳ-khiru, Bồ-tát Gotama có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khxru, Bồ-tát Gotama

có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sịt diệt tận, sự diệt tan.” ở lời tuyên bố của Bồ-tát Gotama có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí. ở bảy lời tuyên bố của bảy vị Bồ-tát có bảy mươi pháp, bảy mươi ý nghĩa, một trăm bốn mươi ngôn từ và hai trăm tám mươi trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: :Cho đến ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự biết rõ là không được chạm đến bởi tuệ?9 ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện... (nt)..."Cho đến ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tu tập của sự tu tập... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa tác chứng là không được chạm đến bởi tue' ở ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ, về^ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện, về ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ, về ý nghĩa tu tập của sự tu tập5 về ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đên ý nghĩa vê uân của các uân là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa về uẩn là không được chạm đến bởi tue.95 ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về giới của các giới... "Cho đến ý nghĩa về xứ của các xứ... Cho đến ý nghĩa tạo tác của các tạo tác... Cho đến ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của không tạo tác là không được chạm đến bởi tue." ở ý nghĩa không tạo tác của

không tạo tác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn, ở ý nghĩa về giới của các giới, ở ý nghĩa về xứ của các xứ, ở ý nghĩa tạo tác của các tạo tác, ở ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khỏi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của khổ là không được chạm đến bởi tuệy ở ý nghĩa về khổ của khổ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa vê nhân sanh của nhân sanh... (nt)...“Cho đên ý nghĩa vê diệt tận của sự diệt tận... (nt)... "Cho đến ý nghĩa ve

đạo của đạo la đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của đạo là không được chạm đên bởi tũệy ơ ý nghĩa vê đạo của đạo có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. ở bốn chân lý cao thượng có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí. [Pháp] nhăn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là không được chạm đến bởi tue." ở ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích pháp... (nt)... "Cho đến ý n^hĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ... (nt)... "Cho đên ý nghĩa vê phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tũệy ở ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. ở bốn phân tích có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến trí biết được khả năng người khác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí biết được khả năng người khác là không được chạm đến bởi tuệ." ơ trí biết được khả năng người khác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

PHÂN TÍCH ĐẠO 1057

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến bảy thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm... (nt).. "Cho đến trí song thông... (nt)... uCho đến trí về sự thể nhập đại bi... (nt)... "Cho đến trí toàn giác... (nt)... "Cho đến trí không bi ngăn che là đã được biêt, đã được thây, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí không bị ngăn che là không được chạm đến bởi tue." ở trí không bị ngăn che có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí. ở sáu pháp của đức Phật có một trăm năm mươi pháp, một trăm năm mươi ý nghĩa, ba trăm ngôn từ và sáu trăm trí. ở trường hợp về phân tích có tám trăm năm mươi pháp, tám trăm năm mươi ý nghĩa, một ngàn bảy trăm ngôn từ và ba ngàn bốn trăm trí. Phần giảng về “Sụ* phân tích” được đầy đủ.

1058 KINH TIỂU BÔ

vn. GIẢNG VÈ PHÁP LUÂN (PHAMMACAKKAKATHẦ)

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārānasī... (nt)... Do đó, Đại đức Kondañña đã có tên là' Aññākondañfia. [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đôi với các pháp trước đây chưa từng được nghe: 6íĐây là chân ly cao thượng, tức là sự kho.^, "[Pháp] nhãn đã sanh khỏd" theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gì? "Minh đã

sanh khởi99 theo ý nghĩa gì? "Anh sáng đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh kh&i" theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khỏi" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh kh&i" theo ý nghĩa nhận biết. "Minh đã sanh khỏi" theo ý nghĩa thấu triệt. "Anh sáng đã sanh khởi,, theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, y nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Trí là pháp, ý nghĩa của điêu đã được biêt là ý nghĩa. Tuệ là pháp, ý nghĩa của sự nhận biêt là ý nghĩa. Minh là pháp, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa. Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có khổ là nên tảng, có chân lý là nên tảng, có chân lý là đôi tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý. Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận theo pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận theo hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp^, là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi thiết lập [người khác] ở pháp" là Pháp luân. "Chuyên vận khi đạt được năng lực" là Pháp luân. "Chuyên vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở pháp" là Pháp luân. "Chuyên vận khi đạt được sự tự tín ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự tự tín ở ppáp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tôn vinh pháp,9 là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tôn kính pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tôn trọng ph"là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi cúng dường pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi sùng kính pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là ngọn c&" là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là biểu

hieu" l Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là chủ dạo" là Pháp luân. "Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nệhịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm Thiên, hoặc bát cứ ai ở trên đời55 là Pháp luân. 'Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" l? Pháp luân. "Tấ quyền là pháp, chuyển vận pháp y" là Pháp luân. "Niệm quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tuệ quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. 'Tín lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. 'Tấn lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm lực là pháp, chuyển vận pháp y" là Pháp luân. yĐịnh lực là pháp, chuyển vận pháp y" là Pháp luân. CÍTuệ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Trạch pháp giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tinh tấn ẹiác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. uHỷ giác chi là pháp, chuyên vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tịnh giác chi là pháp, chuyển vận pháp My" là Pháp luân. "Định giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. uXả giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh kiến là pháp, chuyển vận pháp y" là Pháp luân. "Chánh tư duy là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh ngữ là pháp, chuyển vận pháp /y" là Pháp luân. "Chánh nghiệp là pháp, chuyển vận pháp y" là Pháp luân. "Chánh mạng là pháp,

chuyển vận pháp ấy99 là Pháp luân. "Chánh tinh tấn là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh niệm là pháp, chuyển vận pháp gy" là Pháp luân. "Chánh định là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Quyên theo ý nghĩa chủ đạo là pháp, chuyên vận pháp 2y" là Pháp luân. "Lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyên là pháp, chuyên vận pháp ấy" là Pháp luân. "Giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hôi] là pháp, chuyên vận pháp ấy" là Pháp luân. "Đạo theo ý nghĩa chủng tử là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiet lập là pháp, chuyển vận pháp ay,9 là Pháp luân. uCác chánh cần theo Ý nghĩa nỗ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "'Các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu là pháp, chuyển vận pháp là Pháp luân. "Các chân lý theo ý nghĩa thực thể là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chỉ tinh theo ý nghĩa không tản mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Minh sát theo ý nghĩa quán xét là pháp, chuyển vận pháp ẩy" là Pháp luân. "Chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. 6CGiới thanh tinh theo ý nghĩa thu thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy,9 là Pháp luân. “Tâm thanh tinh theo ý nghĩa không tản mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. "Kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp lu2n." Trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là pháp, chuyển vận pháp

ây,9 là Pháp luân. "ước muôn theo ý nghĩa nguôn cội là pháp, chuyên vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là pháp, chuyển vận pháp ấy“ là Pháp luân. "Xúc theo ý nghĩa liên kết là pháp, chuyên vận pháp ấy” là Pháp luân. "Thọ theo ý n^hĩa hội tụ là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định theo ý nghĩa dẫn đau là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là pháp, chuyên vận pháp ây" là Pháp luân. "Tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. í6Sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. :Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện.,^... (nt)... đã được biết toàn diện.,^ "[Pháp] nhãn đã sanh khởi^, theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Anh sáng đã sanh khởi,, theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khgi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)...“Anh sáng đã sanh kh&i” theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa CÓ khô là nên tảng, có chân lý là nên tảng, có chân lý là đôi tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý. Pháp luân: Pháp luân (bárủi xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp,9 là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. ... (nt)... '6Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý

nghĩa kết thúc la pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Dây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ.,^... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ.,,... (nt)... đã được dứt b6.” ... (nt)... "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Anh sáng đã sanh kh&i" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi,, theo ý nghĩa nhận thức.... (nt)... “Anh sáng đã sanh kh&i” theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có nhân sanh là nền tảng, có chân lý là nền tảng... (nt).. có sự diệt tận là nền tảng, có chân lý là nên tảng... (nt)... có đạo là nên tảng, có chân lý là nên tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được

hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý. Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp^ là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. ... (nt)... ^Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa két thúc la pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. Này các Tỳ-khưu? Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là sự quán xét thân trên thân.” Này các Tỵ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Su quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap." Này các Tỵ-khưu5 Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: uĐây là sự quán xét thọ trên các thẹ)." ... (nt)... tâm trên tâm.,,... (nt)... pháp trên các pháp." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Su quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap" [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thân trên thân.,,... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sịt quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.59 "[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt).. "Anh sáng đã sanh khai,9 theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi,, theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... "Anh sáng đã sanh kh&i" theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa.... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiêu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có thân là nên tảng, có sự thiêt lập niệm là nên tảng... (nt).. có thọ là nên tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có tâm là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tản^... (nt)... có pháp là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có sự thiêt lập niệm là đối tượng, có sự thiết lập niệm là hành xứ? được tổng hợp lại ở sự thiêt lập niệm. được hệ thuộc vào sự thiêt lập niệm. được hiện khởi ở sự thiêt lập niệm, được tồn tại ở sự thiết

lập niệm, được thiết lập ở sự thiết lập niệm. Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp Luân. ... (nt).. "Niếtbàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa két thúc la pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

1062 KINH TIỂU Bộ

Này các Tỵ-khưu9 Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... áĩủi sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lụr." Này các Tỳ-khưu? Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (ní)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nên tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập?9 Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực." ... (nt)... định do tâm và các tạo tác do nỗ lực."...(nt)... đinh do tham xét và các tạo tác do nỗ Iịtc." Này các Tỵ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu táp•" [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực." [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap." "[Pháp] nhãn đã sanh khỏi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Anh sáng đã sanh khai^ theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi,, theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... "Anh sáng đã sanh khởi,, theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm y nghĩa có ước muôn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảnệ của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tôn tại ở nên tảng của thân thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông. Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "'Chuyển vận với phấp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. "Chuyên vận trong khi thiết lập [người khác] ở ph" là Pháp luân. "Chuyển vận khi đạt được năng Ẹrc" là Pháp luân. "Chuyên vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở phấp" là Pháp luân. ... (nt)... "Chuyển vận trong khi sùng kính pháp,9 là

Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là ngọn c&"

PHÂN TÍCH ĐẠO 1063

là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là biểu hieu,9 là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là chủ đạo" là Pháp luân. "Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bát cứ ai ở trên đời,, la Pháp luân. "Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. ... (nt)... "Niết- bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Dây là nen tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ Ẹrc." [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nần tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tap." "[Pháp] nhãn đã sanh kh&i” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Anh sáng đã sanh khỏd" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi59 theo ý nghĩa nhận thức... (nt).. "Anh sáng đã sanh khởi^, theo ý nghĩa chiếu sáng. [Pháp] nhãn là pháp, ý nghía của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiêu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có tinh tấn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng... (nt).. có tâm là nền (nt)... có thẩm xét là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nên tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tong hợp lại ở nền tảng của than thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông. Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp95 là Pháp luân. "Chuyển vận v&ipháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyầi vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập & pháp” là Pháp luân....(nt).. uNiết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. Phần giảng về 66Pháp luân” được đầy đủ.

1064 KINH TIỂU BÔ

vm. GIẢNG VÈ TỐI THƯỢNG ỞTHẾ GIAN (LOKUTTARAKATHĀ)

Các pháp tối thượng ở thế gian là Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bôn nền tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, bôn Thánh dạo, bôn quả vị Sa-môn và Niêt-bàn; các pháp này là tôi thượng ở thê gian. Tối thượng ờ thế gian: Tối thượng ở thế gian với ý nghĩa gì? "Chúng [các pháp ấy] vượt qua thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt lên ra khỏi thế gian“ là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt lên khỏi thế gian“ là tối thượng ở the gian. "Chiing vượt lên từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt quá thê gian" là tôi thượng ở thê gian. “Chiing hoàn toàn vượt quá thê gian55 là tối thượng ở thế gian. "Chúng là trên hẳn the gian" là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt quá tận cùng của thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng xuất lỵ ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chún^ xuất ly khỏi thế gian,, là toi thượng ở the gian. "Chúnẹ xuat ly từ thế gian,, là tôi thượng ở thế gian.

"Chúng được xuât ly ra khỏi thê gian" là tôi thượng ở thế gian. "Chúng được xuất ly bởi thế giáp" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được xuất ly từ the gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng không trụ ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không trụ tại thế gian" là tối thượng ở the gian. "Chúng không bị nhiễm ô ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng khônệ bi nhiễm ô bởi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không tự làm vấy ban ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng khôn^ tự làm vấy bẩn với thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bi vấy bẩn ở thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị vấy bẩn bởi thế gian" là tôi thượng ở thê gian. "Chúng được phóng thích ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích bởi thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích khỏi thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích từ thế gian,, là tối thượng ở the gian. "Chúng được cách ly ở thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly vơi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly ra khỏi thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly tại thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly khỏi thế gi"là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

PHÂN TÍCH ĐẠO 1065

“Chúng được trong sạch ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được trong sạch khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được trong sạch từ the gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được thanh tịnh ra khỏi the gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng được thanh tịnh khỏi thế gian,, là tối thượng ở thế gian. “Chúng được thanh tịnh từ thế gian^, là tối thượng ở thế gian. "Chúng thoát ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chìing thoát khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng thoát ra từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng ly khai ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chún^ ly khai khỏi thế gian^, là tối thượng ở the gian. "Chúng ly khai từ thế gian" là tôi thượng ở thế gian. '"Chúng không bám víu ở thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị nắm giữ ở thế gian^, là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị giam cầm ở thế gian^ là tối thượng ở thế gian* "Chúnậđoạn trừ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng có tính chất đã đoạn trừ thế giarT là tối thượng ở thế gian. “Chúng làm an tịnh thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng có tính chát đã làm an tịnh thế gian" là tối thượng ở the gian. "Chúng không là đường lối của thế gian,, là tối thượng ở thế gian. "Chúng không là cảnh giới của thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không là mục tiêu của thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng là không phổ quát đối với thế gian" là tôi thượng ở thế gian. “(phúng chối từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không tiếp nhận lại thế gian [sau khi choi từ]" là tối thượng ở thế gian. "Chúng từ bỏ the gian là tối thượng ở thế gian. "Chúng không chấp thủ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng lìa khỏi sự quyến luyến thế gian,, là tối thượng ở thế gian. “Chứng không quyến luyến thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng nhàm chán the gian,, là toi thượng ở thế gian "Chhng không hứng thú thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Sau khi vượt qua hẳn và chế ngự thế gian, chúng an trụ" là tối thượng ở thế gian. Phần giảng về uTối thượng ờ thế gian" được đầy đủ.

IX. GIẢNG VỀ Lực (BALAKATHẦ)

(Duyên khởi ờ Sāvatthi) Này các Tỳ-khưu, đây là năm lực. Năm là gì? Tín lực, tân lực, niệm lực, đinh lực, tuệ lực. Này các Tỳ-khiru, đây là năm lực. Vả lại, có sáu mươi tám lực là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, lực của sự hổ thẹn [tội lỗi], lực của sự ghê sợ [tội lỗi], lực của sự phân biệt rõ, lực của sự tu tập, lực của sự không sai trái, lực của sự củng cố, lực của sự nhẫn nại, lực của sự chuẩn bị, lực của sự thuyết phục, lực của sự thống lãnh, lực của sự khẳng định, lực của chỉ tịnh, lực của minh sát, mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học, mười lực của bậc Lậu tận, mười lực của thần thông, mười lực của đức Như Lai. Tín lực là gì? “Kh6ng dao động ở sự không có đức tin" là tín lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đông sanh là tín lực. Theo ý nghĩa châm dứt các phiên não là tín lực. Theo ý nghĩa làm trong sạch phần đầu sự thấu triệt là tín lực. Theo ý nghĩa khẳng định của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa thanh lọc của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tín lực. Theo ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tín lực. Theo ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tín lực. Theo ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tín lực. Điều này là tín lực. Tấn lực là gì? "Không dao động ở sự biếng nhác^, là tấn lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tấn lực. Với ý nghĩa chấm dứt cácj)hiền não là tấn lực. Với ý nghĩa làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt là tân lực. Với ý nghĩa khẳng đinh của tâm là tấn lực. Với y nghĩa thanh lọc của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tấn lực. Với ỵ nghĩa thấu triệt hướng thượng là tấn lực. Với ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tấn lực. Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tấn lực. Điều nay la tấn lực. Niệm lực là gì? "Không dao động ở sự buông lung" là niệm lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là niệm lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là niệm lực. Điêu này là niệm lực. Định lực là gì? '"Không dao động ở sự phóng dát” là định lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồnệ sanh là định lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là định lực. Điêu này là đinh lực. Tuệ lực là gì? "Không dao động ở vô minh” là tuệ lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tuệ lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tuệ lực. Điều này là tuệ lực.

PHÂN TÍCH ĐẠO 1067

Lực của sự hổ thẹn [tội lỗi] là gì?:'Do sự thoát ly, [hành giả] hổ thẹn về ước muốn trong các dục,, là lực của sự hổ thẹn. “Do không sân độc, hổ thẹn về sự sân độc" là lực của sự ho thẹn. "Do nghĩ tưởng ve ánh sáng, ho thẹn ve sự lờ đờ buồn ngiỉ" là lực của sự hổ thẹn. "Do khônệ tản mạn, hổ thẹn về sự phóng dát" là lực của sự hổ thẹn. "Do xác đinh pháp, hô thẹn vê hoài nghi” là lực của sự hổ thẹn. "Do trí, hổ thẹn về vô minh,, là lực của sự ho thẹn. "Do hân hoan, hổ thẹn về sự không hứng thii” là lực của sự hổ thẹn. "Do sơ thiền, hổ thẹn về các pháp ngăn che” là lực của sự hổ thẹn.... (nt)... “Do đạo A-la-hán, hổ thẹn về toàn bộ phiền não" là lực của sự hổ thẹn. Điều này là lực của sự hổ thẹn. Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] là gì? "Do sự thoát ly, [hành giả] ghê sợ về ước muốn trong các dục,, là lực của sự ghê sợ. "Do không sân độc, ghê sợ về sự sân dg' là lực của sự ghê sợ. "Do nghĩ tưởng về ánh sáng, ghê sợ về sự lờ đờ buồn ngỉT là lực của sự ghê sợ. "Do

không tản mạn, ghê sợ về sự phóng dật là lực của sự ghê sợ. "Do xác đinh pháp, ghê sợ về hoài nghi,, là lực của sự ghê sợ. "Do trí, ghê sợ về vô minh,, là lực của sự ghê SQL "Do hân hoan, ghê sợ về sự không hứng thú" là lực của sự ghê SQL "Do sơ thiền, ghê sợ về các pháp ngăn che" là lực của sự ghê sợ. ... (nt)... "Do đạo A-la-hán, ghê sợ về toàn bộ phiền no” là lực của sự ghê sợ. Điều này là lực của sự ghê sợ. Lực của sự phân biệt rõ là gì? "Do sự thoát ly, [hành giả] phân biệt rõ về ước muốn trong các dục^, là lực của sự phân biệt rõ. "Do không sân độc, phân biệt rõ về sự sân độc" là lực của sự phân biệt rõ. "Do nghĩ txrởng về ánh sáng, phân biệt rõ về sự lơ đờ buồn ngủ" là lực của sự phân biệt rõ. uDo không tản mạn5 phân biệt rõ về sự phóng dát" là lực của sự phân biệt rõ. "Do sự xác định pháp, phân biệt rõ về hoài nghi" là lực của sự phân biệt rõ. "Do trí, phân biệt rõ về vô minh" là lực của sự phân biệt rõ. “Do hân hoan, phân biệt rõ về sự không hứng thú" là lực của sự phân biệt rõ. "Do sơ thiền, phân biệt rõ về các pháp ngăn che" là lực của sự phân biệt rõ. ... (nt).. "Do đạo A-la-hán, phân biệt rõ về toàn bộ phiền nỗk)" là lực của sự phân biệt rõ. Điều này là lực của sự phân biệt rõ. Lực của sự tu tập là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] tu tập sự thoát ly" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sân độc? tu tập sự không sân d0c" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng99 là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ phóng dật, tu tập sự không tản mạn^, là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ hoài nghi, tu tập sự xác đinh pháp" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ vô minh, tu tập trí” l lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, tu tập sự hân hoan" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, tu tập sơ thiền" là lực của sự tu tập.... (nt)..."Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, tu tập đạo A-la-hán” là lực của sự tu tập. Điều này là lực của sự tu tập. Lực của sự không sai trái là gì? "Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, không có gì sai trái ở sự thoát ly" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không có gì sai trái ở sự không sân d0c" là lực của sự không

sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ sự lờ đờ buôn ngủ, không có gì sai trái ở sự nghĩ tưởng về ánh sáng" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, không có gì sai trái ở sự không tản mạn,, là lực của sự không sai trùi. "Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, không có gì sai trái ở sự xác định pháp” là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ vô minh, không có gì sai trái ở trí" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, không có gì sai trái ở sự hân hoan” là lực của sự khônẹ sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, không có gì sai trái ở sơ thiên” là lực của sự không sai trái. ... (nt).. "Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiên não, không có gì sai trái ở đạo Ala-hn" l lực của sự không sai trái. Điều này là lực của sự không sai trái. Lực của sự củng cố là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] củng cố lại lâm” là lực của sự củng cố. “Trong khi dứt bỏ san độc bằng sự không sân độc [hành giả] củng cố lại tâm,^ là lực của sự củng cố. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ bằng sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố.... (nt).. "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não bằng đạo A-la-hán [hành giả] củng cố lại tâm,, là lực của sự củng cô. Điều này là lực của sự củng cô. Lực của sự nhẫn

nại là gì? “Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] chấp nhận sự thoát ly" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ sân độc, chấp nhận sự không sân âộc" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, chấp nhận sự nghĩ tưởng về ánh sAng" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, chấp nhận sự không tản mạn,, là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, chấp nhận sự xác định pháp" l lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ vô minh, chấp nhận trí" là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, chấp nhận hân hoan" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, chấp nhận sơ thin" là lực của sự nhẫn nại. ... (nt).. "Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, chấp nhận đạo A-la-hAn" là lực của sự nhẫn nại. Điều này là lực của sự nhẫn nại. Lực của sự chuân bi là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muôn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuẩn bị lâm” là lực của sự chuẩn bị. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuẩn bị tâm,^ là lực của sự chuẩn bị. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuẩn bị tâm^, là lực của sự chuẩn bi. Điều này là lực của sự chuẩn bị. Lực của sự thuyết phục là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khiến tâm được thuyết phúc" là lực của sự thuyết phục. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. “Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về

ánh sáng [hành giả] khiên tâm được thuyêt phục,9 là lực của sự thuyêt phục.... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khiến tâm được thuyết phiỊC” là lực của sự thuyết phục. Điều này là lực của sự thuyết phục. Lực của sự thống lãnh là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lãnh. ... (nt).. "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. Điều này là lực của sự thống lãnh. Lực của sự khẳng đinh là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khẳng định tam" là lực của sự khẳng định. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng đinh. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác độnạ của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] khẳng đinh tâm,, là lực của sự khăng đinh. ... (nt).. "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khẳng định lâm" là lực của sự khẳng định. Điều này là lực của sự khẳng định. Lực của chỉ tinh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tinh. Do tác động của sự nghĩ

tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh.... (ní)... Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Có sự quán xét ve từ bỏ, do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Lực của chỉ tịnh: Lực của chỉ tịnh với ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền, [hành giả] không rung động đối với các pháp ngăn che" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Nhi thiền, [hành giả] không rung động đối với tầm và tứ" là lực của chỉ tịnh, "Nhờ vào Tam thiên, [hành giả] không rung động đối với hỷ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tứ thiền, [hành giả] không rung động đối với lạc và kh6" là lực của chỉ tinh. "Nhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biêt" là lực của chỉ tịnh, "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là lực của chỉ tinh. "Nhơ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, [hành giả] không rung động đối với

Sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ" là lực của chỉ tịnh. u[Hành giả] không rung động, không lay động, không chao động đôi với các sự phóng dật, đối với các phiền não đi cùng với phóng dật và đối với các uẩn,, là lực của chỉ tịnh. Đây là lực của chỉ tinh. Lực của minh sát là gì? Sự quán xét về vô thường là lực của minh sát ... (nt).. Sự quán xét về từ bỏ là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh sát. Sự ạuán xét về khổ não ở sắc là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sác là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mát... ở lão tử là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở lão tử là lực của minh sát.... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử là lực của minh sát. Lực của minh sát: Lực của minh sát với ý nghĩa gì? "Do quán xét về vô thường, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường,, là lực của minh sát. "Do quán xét vê khô não, không rung động đôi với sự nghĩ tưởng về lạc" là lực của minh sát. "Do quán xét về vô ngã, khônệ rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã,5 là lực của minh sát. "Do quán xét ve nhàm chán, không rung động đôi với sự nghĩ tưởng vê vui thích^, là lực của minh sát. "Do quán xét về ly tham ái, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về tham ái" là lực của minh sát. "Do quán xét về diệt tận, không rung động đôi với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khỏi" là lực của minh sát. "Do quán xét về từ b6, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nắm gitr là lực của minh sát. "Không rung động, không chuyển động, kh6ng dao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh và đôi với các u2n" là lực của minh sát. Đây là lực của minh sát. Mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học là gì? "[Hành giả] học tập chánh kiến" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "[Hành giả] học tập* chánh tư duy" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "[Hành giả] học tập chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí...chánh giải thoát" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. Đây là mười lực của bậc Hữu học, mười lực

của bậc Vô học. Mười lực của bậc Lậu tận là gì? ở đây, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ- khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn Liet, Hơn nữa, đối với vi Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, các dục tợ như hố than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đoi

với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, các dục tợ như hố than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỵ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khim là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiet." Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly? là nghiêng theo sự viễn ly9 là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly, là nghiêng theo sự viễn ly, là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc; điều này cũng là lực của vi Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khmi là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiet." Hơn nữa, đối với vi Tỳ-khiru là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vi Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vi Tỳ-khiru là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vi Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đả cạn ki&." Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn chánh cần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp.... (nt)...bốn nền tảng của thần thông là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... năm quyền là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt).. năm lực là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt).. bảy chi phần đưa đến giác ngộ là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vi Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rang: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiet." Đây là mười lực của bậc Lậu tận. Mười lực của thần thông là gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do r y \ : .: y biên hóa, thân thông do ý tạo thành, thân thông do sự can thiệp của trí, thân thông do sự can thiệp của định, thân thông thuộc vê bậc Thánh, thân thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do sự hiểu biết, thần thông với ý nghĩa thành công do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp; đây là mười lực của thần thông. Mười lực của đức Như Lai là gì? ở đây, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý ya điều phi lý là phi lý. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý? điều này cũng là

Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai

công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vi lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử. Sự việc đức Như Lai nhận biêt đúng theo thực thê két quả các sự thọ nhận vê nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vi lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân toi thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cối tái sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đên tát cả các cõi tái sanh, điêu này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thế giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thế giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thê khả năng vê các quyên của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai.... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiền, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não5 sự thanh lọc, sự thoát ra của thiền, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai.... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lân sanh... (nt)...; như thê Ngài nhớ lại nhiêu kiêp sông trước với các nét cá biệt và đại cương. Sự việc đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tinh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại... (nt).. Sự việc đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi

chết đi rồi sanh lại... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng. Hơn nữa, đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của y, sự giải thoát của tuệ băng thăng trí của tự thân, đã thê nhập và an trú. Sự việc

đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bo về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng. Tín lực với ý nghĩa gì? Tấn lực với ý nghĩa gì? Niệm lực với ý nghĩa gì? Định lực với ý nghĩa gì? Tuệ lực với ý nghĩa gì? Lực của sự hổ thẹn [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự phân biệt rõ với ý nghĩa gí? ... (ní)*.. Lực cua đức Như Lai với ý nghĩa gì? Với ý nghĩa của sự không dao độnẹ ở sự không có đức tin là tín lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự biêng nhác là tân lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự buông lung là niệm lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự phóng dật là định lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở vô minh là tuệ lực. "Hổ thẹn về các ác bất thiện pháp" là lực của sự hổ thẹn [tội lỗi]. "Ghê sợ về các ác bất thiện pháp" là lực của sự ghê sợ [tội lỗi]. 'Thân biệt rõ các phiền não bằng trí" là lực của sự phân biệt rõ. uCác pháp sanh lên trong trường hợp ấy là có nhất là lực của sự tu tập. "Không có gì sai trái ở điều ấy59 là lực của sự không sai trái. :Do điều ấy, [hành giả] củng cố lại tâm,, là lực của sự củng cô. "[Hành giả] chập nhận điêu 2y" là lực của sự nhẫn nại. "Do điều ấy, [hành giả] chuẩn bị t2m" là lực của sự chuẩn bi. uDo điều ấy, [hành giả] khiến tâm được thuyết phúc" là lực của sự thuyết phục. C6Do điều ấy? [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. 4CDo điều ấy, [hành giả] khăng định tâm,^ là lực của sự khăng định. "Do điêu ây, tâm được chuyên nhất" là lực của chỉ tịnh. "[Hành giả] quán xét các pháp sanh lên trong trường hợp ấy" là lực của minh sát. "[Hành giả] học tập ở điêu là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "Do điều ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt^ là lực của bậc Lậu tận. "Được thành công cho vi ấy" là lực của thần thông. Với ý nghĩa vô lượng là lực của đức Như Lai. Phần giảng về 6'Lực" được đầy đủ.

1074 KINH TIỂU BÔ

X. GIẢNG VÈ ỈOỈÔNG TÁNH (SUÑÑATĀKATHĀ)

Tôi đã được nghe như vây: Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến, đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, được nói rằng: "Thế giới là IGiông, thế giới là Kh6ng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào được nói rằng: "Thế giới là Khong,5? Này Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: "Thế giới là Kl|6ng." Và này Ānanda, cái gì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là Không đôi với tự ngã hoặc đôi với vật thuộc vê tự ngã. Các săc là Không đôi với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đoi với vật thuộc ve tự ngã. Tai là Không... Các thinh là

Không... Mũi là Không... Các khí là Không... Lưỡi là Không... Các vị là Không... Thân là Không... Các xúc là Không... Ý là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các pháp là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: "Thế giới là Kh6ng." Không đối với Không, Không đối với các hành, Không do sự chuyển biến, Không tối thắng, Không do tướng trạng, Không do áp chế, Không đối với chi phần ấy, Không do đoạn trừ, Không do tinh lặng, Không do xuất ly, Không đối với nội phần, Không đối với ngoại phần, Không đối với cả hai [nội và ngoại phàn], Không của cùng nhóm, Không do khác nhóm, Không do tầm cầu, Không do nắm giữ, Không do thành đạt, Không do thấu triệt, Không do tính chất giống nhau, Không do tính chất khác biệt, Không do nhẫn nại, Không do

9 r r khăng đinh, Không do thâm nhập, sự châm dứt vận hành của vị có sự nhận biêt rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh. Cái gì là Không đối với Không? Mắt là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai là Không... Mũi là Không... Lưỡi là Không... Thân là Không... Ý là Không đối với tư ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đôi với vật vững bên, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với Không. Cái gì là Không đối với các hành? Có ba hành: Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành.7 Phúc hành là Không đối với phi phúc hành va đoi với bất độnjg hành. Phi phúc hành là Không đối với phúc hành và đối với bất động hành. Bất động hành là Không đối với phúc hành và đối với phi phúc hành. Đây là ba hành. Còn có ba hành khác nữa: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là Không đối với khẩu hành và đối với ý hành. Khẩu hành là Không đối với thân hành và đối với ý hành. Ý hành là Không đối với thân hành và đối với khẩu hành. Đây là ba hành. Còn có ba hành khác nữa: Hành thời quá khứ, hành thời vị lai, hành thời hiện tại. Hành thời quá khứ là Không đối với hành thời vi lai và thời hiện tại. Hành thời vị lai là Không đối với hành thời quá khứ và thời hiện tại. Hành thời hiện tại là ïỌiông đối với hành thời quá khứ và thời vị lai. Đây là ba hành. Đây là Khổng đối VƠI các hành. Cái gì là Không do sự chuyển biến? sắc được sanh lên là Không do bản thể, sắc đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Khôĩiệ. Thọ được sanh lên là Không do bản thể, thọ đã qua không những là đã chuyên biến mà còn là Không. Tưởng được sanh lên... Các hành được sanh lên... Thức được sanh lên... Mắt được sanh lên... Hữu được sanh lên là Không do bản thể, hữu đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Đây là Không do sự chuyển biến. Cái gì là Không tối thắng? Địa vị này là tối thắng, địa vi này là hạng nhất, địa vị này là phi thường, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự đoạn tận ái, sự ly tham ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là Không tối thắng. Cái gì là Không do tướng trạng? Có hai tướng trạng: Tướng trạng của kẻ ngu và

tướng trạng của người trí. Tướng trạng của kẻ ngu là Không so với tướng trạng của người trí. Tướng trạng của người trí là Không so với tướng trạng của kẻ ngu. Có ba tướng trạng: Tướng trạng sanh lên, tướng trạng hoại diệt, tướng trạng thay đôi trong khi tôn tại. Tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng

7 Phúc hành {puññābhisañkhāro) là sự tạo tác đem lại phước báu do năng lực của bố thí, trì giới, tham thiền, v.v... va sự tu tập năm thiền sắc giới; phi phúc hành (apuññābhisañkhāro) là sự tạo tác không đem lại phước báu do hậu quả của các hành động như sát sanh, V.V...; bất đông hành (āneryābhisañkharo) là sự tạo tác có kết quả không thay đổi, có liên quan đến bốn thiền vô sắc (PsA. III. 633).

hoại diệt và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đôi với săc? tướng trạng sanh lên là Không đôi với tướng trạng hoại diệt và đoi với tướng trạng đoi thay khi trụ lại. Đoi với sắc, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đối với thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử, tướng trạng sanh lên là Không đoi với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đây là Không do tướng trạng. Cái gì là Không do áp chế? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được áp chế và là Không. Do không sân độc, sân độc được áp chế và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được áp chế và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được áp chế và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được áp che và là Không. Do trí, vô minh được áp che và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được áp chế và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được áp chế và là Không. ... (nt)...Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được áp chế và là Không. Đây là Không do áp chế. Cái gì là Không đối vơi chi phần ấy? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục là Không đối với chi phần ấy. Do không sân độc, sân độc là Không đoi vơi chi phần ấy. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ là Không đối với chi phần ấy. Do không tản mạn, sự phóng dật là Kh6ng đối với chi phần ấy. Do xác định pháp, hoài nghi là Không đối với chi phần ây. Do trí, vô minh là Không đối với chi phần ấy. Do hân hoan, sự không hứng thú là Khônệ đối với chi phần ấy. Do sơ thiền, các pháp ngăn che là Không đối với chi phan ấy. ... (nt).. Do quán xét về ly khai, cố chấp vào sự ràng buộc là Không đối với chi phan ấy. Đay là Không đối vơi chi phan ấy. r Cái gì là Không do đoạn trừ? Do sự thoát ly, ước muôn trong các dục được đoạn trừ và là Không. Do không sân độc, sân độc được đoạn trừ và là Không. Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được đoạn trừ và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được đoạn trừ và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được đoạn trừ và là Không. Do trí, vô minh được đoạn trừ và là Không. Do

hân hoan, sự không hứng thú được đoạn trừ và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được đoạn trừ và là Không. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được đoạn trừ và là Không. Đây là Không do đoạn trừ. Cái gì là Không do tịnh lặng? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được tịnh lặng và là Không. Do không sân độc, sân độc được tịnh lặng và là Không.

PHÂN TÍCH ĐẠO 1077

Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được tịnh lặng và là Không. Do không tản mạn, phóng dật được tịnh lặng và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được tinh lặng và là Không. Do trí, vô minh được tịnh lặng và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được tịnh lặng và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được tịnh lặng và là Không. ... (nt).. Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiến não được tịnh lặng và là Không. Đây là Không do tịnh lặng. Cái gì là Không do xuất ly? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được xuất ly và là Không. Do không sân độc, sân độc được xuất ly và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được xuất ly và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được xuất ly và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được xuất ly và là Không. Do trí, vô minh được xuất ly và là Không. Do hân hoan, sự khôn^ hứng thú được xuất ly và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được xuât ly và là Không__ (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiên nao được xuất ly và la Không. Đây là Không do xuất ly. Cái gì la Không đối với nội phần? Mắt thuộc nội phần là Không đối với tự lièã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững ben, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần là Không... Mũi thuộc nội phần là Không... Lưỡi thuộc nội J)hần là Không... Thân thuộc nội phần là Không... Ý thuộc nội phần là Không đoi với tự nệã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững ben, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với nội phần. Cái gì là Không đôi với ngoại phân? Các sác thuộc ngoại phân là Không... (nt)... Các pháp thuộc ngoại phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với ngoại phần. Cái gì là Không đối với cả hai? Mắt thuộc nội phần và các sắc thuộc ngoại phan, cả hai điều này là Không đoi với tự ngã hoặc đoi với vật thuộc ve tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần và các thinh thuộc ngoại phần... Mũi thuộc nội phần và các khí thuộc ngoại phàn... Lưỡi thuộc nội phần và các vị thuộc ngoại phần... Thân thuộc nội phần và các xúc thuộc ngoại phần... Ý thuộc nội phần và các pháp thuộc ngoại phần, cả hai điều này là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bên, đôi với vật vĩnh viên, hoặc đôi với pháp không chuyên biên. Điêu này là Khòng đối với cả hai. Cái gì là Không của cùng nhóm? Sáu nội xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tư là cùng nhóm và là Không. Đây là Không của cùng nhóm.

Cái gì là Không do khác nhóm? Sáu nội xứ đối với sáu ngoại xứ là khác nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ đối với sáu nhóm của thức là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức đối với sáu nhóm của xúc là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc đối với sáu nhóm của thọ là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ đối với sáu nhóm của tưởng là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng đối với sáu nhóm của tư là khác nhóm và là Không. Đây là Không do khác nhóm. Cái gì là Không do tầm cầu? Tầm cầu sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Tầm cầu sự không sân độc là Không đối với sân độc. Tầm cầu sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Tầm cầu sự Không tản mạn là Khônệ đối với phóng dật. Tầm cầu sự xác đinh pháp là Không đối với hoài nghi. lam cầu trí là Không đối vơi vô minh. Tầm cầu sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Tầm cầu sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Tầm cầu đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền nao. Đây là Không do tầm cầu. Cái gì là Không do nắm giữ? Nắm giữ sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nắm giữ sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nắm giữ sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Nắm giữ sự không tản mạn là Không đôi với sự phóng dật. Nắm giữ sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Nắm giữ trí là Không đối với vô minh. Nắm giữ sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nắm giữ sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Nắm giữ đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền nao. Đây là Không do nắm gi* Cái gì là Không do thành đạt? Thành đạt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thành đạt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thành đạt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thành đạt sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Thành đạt sự xác đinh pháp là Không đối với hoài nghi. Thành đạt trí là Không đối với vô minh. Thành đạt sự hân hoan là Không đoi với sự không hứng thú. Thành đạt sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. ... (nt)...Thành đạt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thành đạt. Cái gì là Không do thấu triệt? Thấu triệt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thấu triệt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thấu triệt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thấu triệt sự không tản mạn là Khôiiệ đoi với phóng dật. Thấu triệt sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thấu triệt trí là Không đối với vô minh. Thấu triệt sự hân hoan là Không đoi với sự khôn^hứng thú. Thấu triệt sơ thiền là IQiông đối với các pháp ngăn che... (nt)...Thấu triệt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là IChông do thấu triệt. Cái gi là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt? Ước muốn trong các dục là có tính chát khác biệt, sự thoát ly là có tính chát

giông nhau. Vị đang suy nghi vê tính chát giông nhau của sự thoát ly, đôi với vị ấy là Không vê ước muôn trong các dục. Sân độc là có tính chất khác biệt, không sân độc là có tính chất giống nhau. Vi dang suy nghĩ về tính chất giống nhau của không sân độc, đối với vi ấy là Không vê sân độc. Sự lờ đờ buồn ngủ là có tính chất khác biệt, sự nghĩ

tưởng về ánh sáng là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, đối với vi ấy là Không về sự lờ đờ buồn ngủ. Phóng dật là có tính chất khác biệt, sự không tản mạn là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự không tản mạn, đối với vị ấy là Không về phóng dật. Hoài nghi là có tính chất khác biệt, sự xác định pháp là có tính chất giống nhau. Vi đang suy nghĩ ve tính chất giống nhau của sự xác đinh pháp, đoi với vị ấy là Không về hoài nghi. Vô minh là có tính chất khác biệt, trí là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của trí, đối với vị ấy là Không về vô minh. Sự không hứng thú là có tính chất khác biệt, hân hoan là có tính chất giống nhau. Vi đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của hân hoan, đối với vị ấy là Không ve sự khônệ hứng thú. Các pháp ngăn che là có tính chất khác biệt, sơ thiền là có tính chát giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sơ thiền, đối với vị ấy là Không về các pháp ngăn che... (nt)... Toàn bộ phiền não là có tính chất khác biệt, đạo A-la-hán là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của đạo A-la-hán, đối với vị ấy là Không về toàn bộ phiền não. Đây là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt. Cái gì là Không do nhẫn nại? Nhẫn nại đối với sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nhẫn nại đối với sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nhẫn nại đối với sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Nhẫn nại đối với sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Nhẫn nại đoi với sự xác định pháp là Không đoi với hoài nghi. Nhẫn nại đoi với trí là Không đối với vô minh. Nhẫn nại đối với sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nhân nại đôi với sơ thiên là Không đôi với các pháp ngăn che... (nt).. Nhẫn nại đối với đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây la Không do nhẫn nại. Cái gì là Không do khẳng định? Khẳng đinh sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Khẳng định không sân độc là Không đối với sự sân độc. Khẳng định sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Khẳng định sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Khẳng định sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Khẳng định trí là Không đối với vô minh. Khẳng định sự hân hoan là Không đối với không hứng thú. Khẳng định sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Khẳng định đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do khẳng định. Cái gì là Không do thâm nhập? Thâm nhập sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thâm nhập sự không sân độc là Không đối với sân

độc. Thâm nhập sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thâm nhập sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Thâm nhập sự xác đinh pháp là Không đối với hoài nghi. Thâm nhập trí là Không đối với vô minh. Thâm nhập sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thâm nhập sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. ... (nt)... Thâm nhập đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thâm nhập. Sự chấm dứt vận hành gì ở vị có sự nhận biết rõ rệt là ỈChông theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh? ở dây, vị có sự nhận biết rõ rệt, chấm dứt sự vận hành của ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly, chấm dứt sự vận hành của sân độc nhờ vào không sân độc, chấm dứt sự vận hành của sự lờ đờ buồn

ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng về ánh sáng, chấm dứt sự vận hành của phóng dật nhờ vào không tản mạn, chấm dứt sự vận hành của hoài nghi nhờ vào sự xác đinh pháp, chấm dứt sự vận hành của vô minh nhờ vào trí, chấm dứt sự vận hành của không hứng thú nhờ vào hân hoan, cham dứt sự vận hành của các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền... (nt)... cham dứt sự vận hành của toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán. Hoặc là đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang Vô dư Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mắt không sanh lên, sự vận hành này của tai... (nt)... sự vận hành này của mũi... (nt)... sự vận hành này của lưỡi... (nt).. sự vận hành này của thân... (nt)... sự vận hành này của ý được châm dứt và sự vận hành khác của ý không sanh lên. Sự chấm dứt vận hành này ở vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo y nghĩa tuyệt đối của tất ca không tánh. Phần giảng về í6Không tánh55 được đầy đủ. Phẩm “Kết hợp chung” là phần thứ nhì. Tóm lược phẩm này: Kết hợp chung, chân lý, Các chi phần giác ngộ, Tâm từ, ly tham ái, Là phần giảng thứ năm, [Các phương pháp] phân tích, Bánh xe về Chánh pháp, Tối thượng ở thế gian, Lực và Không là mười. Phần quý báu của các bộ kinh đã được thành lập này là phẩm thứ nhì, cao quý, tuyệt vời, không gì sánh được.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.